

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

**BÁO CÁO NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP #08**

**PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA BẢN SẮC LAI CHÂU VÀ DU LỊCH DỰA VÀO ĐẶC THÙ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**



**Lai Châu, 2026**

## MỤC LỤC

<b>TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>5</b>
<b>DANH MỤC BẢNG .....</b>	<b>6</b>
<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>1. Sự cần thiết điều chỉnh phương án bảo tồn và phát triển văn hóa bản sắc và du lịch dựa vào đặc thù trên địa bàn tỉnh Lai Châu .....</b>	<b>1</b>
<b>2. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu .....</b>	<b>2</b>
2.1. Về không gian.....	2
2.2. Về đối tượng .....	3
2.3. Về phạm vi nghiên cứu.....	3
<b>3. Phương pháp nghiên cứu .....</b>	<b>4</b>
3.1. Phương pháp tiếp cận điều chỉnh quy hoạch .....	4
3.2. Phương pháp kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch.....	5
3.3. Quy trình đánh giá và hiệu chỉnh phương án .....	6
<b>4. Cơ sở pháp lý .....</b>	<b>7</b>
<b>PHẦN I. TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LAI CHÂU .....</b>	<b>9</b>
<b>1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....</b>	<b>9</b>
1.1. Địa hình .....	9
1.2. Hệ thống hang động – thác nước.....	10
1.3. Tài nguyên mặt nước và lòng hồ thủy điện .....	11
1.4. Khí hậu cao nguyên và suối khoáng nóng.....	12
<b>2. Tài nguyên du lịch văn hóa.....</b>	<b>13</b>
2.1. Đa dạng tộc người và cấu trúc cư trú cộng đồng.....	13
2.2. Di sản văn hóa phi vật thể .....	13
2.3. Hệ lễ hội truyền thống .....	14

2.4. Du lịch cộng đồng.....	14
2.5. Di tích lịch sử – khảo cổ.....	15
<b>3. Vị trí địa lý .....</b>	<b>15</b>
<b>PHẦN II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO TỒN VĂN HÓA TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2021 – 2025.....</b>	<b>18</b>
<b>1. Thực trạng phát triển du lịch.....</b>	<b>18</b>
1.1. Quy mô thị trường và kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu.....	18
1.2. Cơ cấu sản phẩm và định hình các dòng sản phẩm đặc trưng.....	19
1.3. Cơ sở vật chất – hạ tầng du lịch và mức độ sẵn sàng phục vụ.....	20
1.4. Xúc tiến, liên kết vùng và mở rộng thị trường .....	20
<b>2. Thực trạng công tác bảo tồn văn hoá gắn với phát triển du lịch.....</b>	<b>22</b>
2.1. Bảo tồn di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) .....	22
2.2. Gắn kết bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch.....	23
2.3. Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở .....	23
2.4. Hợp tác và hội nhập.....	24
<b>PHẦN III. XU HƯỚNG VÀ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH, BẢO TỒN VĂN HÓA TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2025 – 2030.....</b>	<b>26</b>
<b>1. Bối cảnh và xu hướng du lịch thế giới .....</b>	<b>26</b>
<b>2. Bối cảnh và xu hướng du lịch trong nước .....</b>	<b>27</b>
<b>3. Bối cảnh và xu hướng vùng Trung du &amp; Miền núi phía Bắc.....</b>	<b>29</b>
<b>PHẦN IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG ÁN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO TỒN VĂN HÓA TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 .....</b>	<b>31</b>
<b>1. Quan điểm phát triển .....</b>	<b>31</b>
<b>2. Mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050 .....</b>	<b>32</b>
2.1. Mục tiêu chung.....	32
2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 .....	33
2.3. Tầm nhìn đến 2050.....	35

<b>3. Phương án bảo tồn và phát triển Văn hóa – Du lịch tỉnh Lai Châu giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn đến năm 2050 .....</b>	<b>36</b>
3.1. Định hướng tổng thể và nguyên tắc triển khai .....	36
3.2. Định hướng không gian phát triển và hệ sản phẩm.....	36
3.3. Phương án bảo tồn văn hóa gắn với du lịch .....	44
3.4. Điều chỉnh và bổ sung trọng điểm giai đoạn 2025–2030.....	46
3.5. Phương án đầu tư hạ tầng – thiết chế văn hóa phục vụ bảo tồn và phát triển du lịch.....	47
<b>PHẦN V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA BẢN SẮC VÀ DU LỊCH ĐẶC THÙ TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2030.....</b>	<b>49</b>
1. Giải pháp về cơ chế, chính sách và thu hút đầu tư .....	49
2. Giải pháp về phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất .....	49
3. Giải pháp về phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn văn hóa.....	50
4. Giải pháp về nguồn nhân lực và chuyển đổi số .....	50
5. Giải pháp về liên kết, hợp tác và xúc tiến quảng bá .....	51
6. Giải pháp về bảo vệ tài nguyên và môi trường.....	51
<b>PHẦN VI. ĐỀ XUẤT .....</b>	<b>53</b>
1. Đề xuất tích hợp, cập nhật trong Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lai Châu .	53
2. Đề xuất tích hợp các nội dung phù hợp vào Quy hoạch hệ thống du lịch và các quy hoạch ngành quốc gia liên quan.....	54
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>56</b>
<b>PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 .....</b>	<b>56</b>

## TỪ VIẾT TẮT

<b>AI</b>	Artificial Intelligence (Trí tuệ nhân tạo)
<b>ATF</b>	ASEAN Tourism Forum (Diễn đàn Du lịch ASEAN)
<b>CBT</b>	Community-based tourism (Du lịch cộng đồng)
<b>CNTT</b>	Công nghệ thông tin
<b>DTTS</b>	Dân tộc thiểu số
<b>GDP</b>	Tổng sản phẩm quốc nội
<b>KDLQG</b>	Khu du lịch quốc gia
<b>MICE</b>	Meetings, Incentives, Conferences, Exhibitions (Du lịch hội nghị, hội thảo, sự kiện)
<b>OCOP</b>	One Commune One Product (Mỗi xã một sản phẩm)
<b>OECD</b>	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
<b>QĐ-TTg</b>	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
<b>QL</b>	Quốc lộ (Ví dụ: QL4D, QL32, QL12, QL279)
<b>UNESCO</b>	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc
<b>UN Tourism</b>	Tổ chức Du lịch Liên Hợp Quốc (trước đây là UNWTO)
<b>VR/AR</b>	Virtual Reality / Augmented Reality (Thực tế ảo / Thực tế tăng cường)
<b>WTTC</b>	Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1. Một số chỉ tiêu du lịch chủ yếu (2021–2025, theo tổng hợp số liệu tỉnh). 18

## PHẦN MỞ ĐẦU

### **1. Sự cần thiết điều chỉnh phương án bảo tồn và phát triển văn hóa bản sắc và du lịch dựa vào đặc thù trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Lai Châu là tỉnh biên giới miền núi Tây Bắc, giàu bản sắc văn hoá với 20 dân tộc cùng sinh sống; đồng thời có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh và giữ vai trò phòng hộ xung yếu đối với lưu vực sông Đà. Tỉnh có diện tích lớn (9.068,73 km<sup>2</sup>), mật độ dân số thấp, quy mô dân số khoảng 489 nghìn, phân bố dân cư phân tán; điều kiện địa hình chia cắt mạnh, tài nguyên du lịch tự nhiên – văn hoá phong phú nhưng phân tán theo không gian. Hệ thống giao thông hiện hữu đã từng bước kết nối Lai Châu với các cực tăng trưởng và các điểm đến lớn như tam giác Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, Sa Pa (Lào Cai), Điện Biên Phủ (Điện Biên), song nhìn chung tỉnh vẫn ở xa các trung tâm kinh tế lớn, điều kiện kết nối liên vùng còn chưa đồng bộ, làm tăng chi phí tiếp cận và hạn chế khả năng “giữ chân” du khách. Trong bối cảnh đó, để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng theo hướng nhanh và bền vững, đóng góp thiết thực vào nâng cao đời sống người dân, giảm nghèo bền vững, đồng thời bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng – an ninh trên địa bàn, đòi hỏi phải rà soát, cập nhật và điều chỉnh phương án phát triển du lịch theo hướng tập trung trọng điểm, nâng chất lượng sản phẩm, tổ chức không gian theo cụm/tuyến liên kết phù hợp năng lực hạ tầng và quản trị.

Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1585/QĐ-TTg là căn cứ pháp lý quan trọng định hướng phát triển không gian và các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Tuy nhiên, bước sang giai đoạn 2025–2030, yêu cầu thực tiễn đặt ra cần điều chỉnh nội dung quy hoạch du lịch (trong khuôn khổ Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt) để bảo đảm tính phù hợp và tính khả thi trong điều kiện mới. Một mặt, việc triển khai chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội tạo ra những thay đổi về địa bàn quản lý, mô hình tổ chức bộ máy và phương thức điều phối liên địa bàn; trong khi phát triển du lịch – bảo tồn văn hoá lại phụ thuộc mạnh vào liên kết không gian (cụm điểm đến, hành lang tuyến), phối hợp đa ngành (văn hoá, giao thông, môi trường, nông nghiệp, thương mại, biên phòng) và cơ chế quản trị thống nhất đối với các tuyến/điểm xuyên ranh giới. Do đó, điều chỉnh phương án du lịch là cần thiết để chuyển từ cách tiếp cận “phân chia cứng theo địa giới” sang cách tiếp cận “tổ chức theo

không gian trải nghiệm và chuỗi giá trị”, bảo đảm sau sắp xếp đơn vị hành chính vẫn vận hành hiệu quả mạng lưới tuyến–điểm, không đứt gãy cơ chế quản lý điểm đến, không chông chéo trong phân cấp và bảo đảm phân bổ nguồn lực theo cục động lực.

Mặt khác, tinh thần và định hướng phát triển giai đoạn mới theo Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Lai Châu năm 2025 đặt yêu cầu rõ hơn về chất lượng tăng trưởng, phát triển xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh chuyển đổi số và phát huy nguồn lực văn hoá; qua đó đòi hỏi quy hoạch du lịch phải được cập nhật để “bắt nhịp” mục tiêu mới: ưu tiên các sản phẩm đặc thù có khả năng tạo khác biệt (núi cao – mạo hiểm có kiểm soát; sinh thái – nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khoẻ; văn hoá – cộng đồng; du lịch lòng hồ – sông Đà; cửa ngõ liên vùng và kinh tế biên mậu), đồng thời nâng cấp năng lực hạ tầng, dịch vụ, an toàn và quản trị sức chứa. Bên cạnh đó, bối cảnh quốc tế và trong nước tiếp tục biến động (xu hướng du lịch xanh, wellness, nhóm nhỏ, cá nhân hoá; cạnh tranh điểm đến; yêu cầu tiêu chuẩn bền vững; chuyển đổi số; rủi ro thiên tai – biến đổi khí hậu) cũng tác động trực tiếp đến lựa chọn thị trường mục tiêu, cấu trúc sản phẩm và yêu cầu quản trị điểm đến của Lai Châu, khiến phương án quy hoạch cần được điều chỉnh theo hướng dựa trên thị trường, tăng chi tiêu/khách, kéo dài lưu trú và giảm mùa vụ thay vì chỉ tăng quy mô khách.

Trước những yêu cầu nêu trên, việc điều chỉnh phương án phát triển du lịch trong Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được phê duyệt tại QĐ 1585/QĐ-TTg) là thực sự cần thiết nhằm bảo đảm sự thống nhất với hệ thống quy hoạch, đồng thời nâng cao tính thích ứng và khả thi trong bối cảnh triển khai Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và định hướng Đại hội Đảng bộ tỉnh Lai Châu năm 2025. Nội dung điều chỉnh là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm, định hướng danh mục dự án ưu tiên, tổ chức không gian theo cụm/tuyến liên kết, hoàn thiện hệ sản phẩm chủ lực và cơ chế bảo tồn – phát huy văn hoá gắn với sinh kế cộng đồng; qua đó tạo công cụ quản lý, điều hành hiệu quả, giúp Lai Châu phát triển du lịch theo đúng định vị “Lai Châu – điểm đến núi cao, bản sắc và trải nghiệm xanh” một cách nhanh, bền vững và có thể kiểm chứng

## **2. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu**

### **2.1. Về không gian**

Phạm vi điều chỉnh quy hoạch du lịch tỉnh Lai Châu bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của tỉnh Lai Châu trên đất liền, bao gồm các đơn vị hành chính trực thuộc; đồng thời xem xét không gian mặt nước nội địa và các khu vực có liên quan trực tiếp đến phát triển du lịch như hệ thống sông suối, lòng hồ thủy điện (Sơn La, Lai Châu, Bản Chát, Huội Quảng...), các khu rừng đặc dụng/khu bảo tồn, khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng. Trong quá trình điều chỉnh, không gian du lịch được tiếp cận theo hướng liên kết theo cụm/tuyến, không phân chia cứng theo địa giới hành chính, bảo đảm khả năng kết nối với các địa phương lân cận (đặc biệt Lào Cai – Sa Pa, Điện Biên và hành lang biên giới với Vân Nam – Trung Quốc).

## **2.2. Về đối tượng**

Đối tượng điều chỉnh quy hoạch bao gồm các thành phần chủ yếu của hệ thống du lịch tỉnh Lai Châu (hiện trạng và định hướng), cụ thể:

- Sản phẩm du lịch và hệ sản phẩm đặc thù (mạo hiểm – núi cao, sinh thái – nghỉ dưỡng, wellness/khoáng nóng – dược liệu, văn hóa – cộng đồng, du lịch lòng hồ – sông Đà, du lịch biên mậu...);

- Thị trường du lịch (nội địa, quốc tế; thị trường mục tiêu, phân khúc khách, xu hướng tiêu dùng; cơ chế liên kết thị trường liên vùng, liên quốc gia);

- Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch (cơ sở lưu trú, vận chuyển khách du lịch, cơ sở vui chơi giải trí, ăn uống, mua sắm; hạ tầng số phục vụ du lịch...);

- Nguồn nhân lực du lịch và hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng du lịch;

- Tổ chức không gian du lịch (khu/điểm du lịch; các cụm du lịch động lực; tuyến du lịch nội tỉnh và liên tỉnh; định hướng phát triển các khu du lịch quốc gia tiềm năng; hệ thống điểm du lịch cấp tỉnh và điểm vệ tinh);

- Bảo tồn và phát huy tài nguyên du lịch, đặc biệt là di sản văn hóa vật thể/phi vật thể, cảnh quan sinh thái, đa dạng sinh học và các vùng nhạy cảm môi trường; cơ chế quản lý sức chứa và kiểm soát tác động.

## **2.3. Về phạm vi nghiên cứu**

Điều chỉnh quy hoạch du lịch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thực hiện ở cấp tỉnh, bảo đảm tính chiến lược và tính khả thi,

đồng thời đặt trong mối quan hệ tương quan với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các chương trình liên kết vùng. Nội dung nghiên cứu có sự so sánh, đối chiếu với các điểm đến tương đồng trong nước và xu hướng quốc tế, đặc biệt về du lịch sinh thái núi cao, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng – chăm sóc sức khỏe và du lịch biên giới, nhằm lựa chọn định hướng không gian – sản phẩm phù hợp và nâng cao năng lực cạnh tranh của điểm đến Lai Châu trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Công tác điều chỉnh quy hoạch du lịch tỉnh Lai Châu được triển khai theo hướng tiếp cận hệ thống và tích hợp, bảo đảm tuân thủ quy định về hệ thống quy hoạch, đồng thời đáp ứng yêu cầu cập nhật bối cảnh mới và tăng cường tính khả thi trong tổ chức không gian, danh mục dự án và giải pháp thực hiện. Phương pháp điều chỉnh nhấn mạnh nguyên tắc “bám sát định hướng đã được phê duyệt nhưng cụ thể hóa theo thực tiễn”, trong đó các mục tiêu, cấu trúc không gian, hệ sản phẩm và danh mục dự án được rà soát, đối chiếu và hiệu chỉnh trên cơ sở bằng chứng, ưu tiên trọng điểm và đồng thuận của các bên liên quan.

#### **3.1. Phương pháp tiếp cận điều chỉnh quy hoạch**

(1) Tiếp cận từ trên xuống để bảo đảm tính thống nhất và tuân thủ định hướng cấp quốc gia – cấp vùng. Nội dung điều chỉnh được rà soát theo khung định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam, đồng thời lồng ghép các định hướng về sử dụng đất, bảo vệ môi trường, phát triển hạ tầng và chuyển đổi số. Cách tiếp cận này bảo đảm các nội dung đề xuất của tỉnh không mâu thuẫn, không chồng chéo và có khả năng “đứng vững” về căn cứ pháp lý trong hệ thống quy hoạch.

(2) Tiếp cận từ dưới lên nhằm tăng tính thực tiễn và khả năng thực thi. Quy hoạch điều chỉnh sử dụng dữ liệu đầu vào từ hiện trạng tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, hạ tầng tiếp cận, năng lực cung ứng dịch vụ, kết quả thực hiện giai đoạn 2021–2025 và danh mục dự án đầu tư của tỉnh. Trên cơ sở đó, các phương án tổ chức không gian – sản phẩm được hiệu chỉnh theo mức độ sẵn sàng của điểm đến, sức chứa và khả năng thu hút đầu tư, tránh tình trạng dàn trải hoặc định hướng vượt quá năng lực triển khai.

(3) Tiếp cận liên ngành và tích hợp để làm rõ mối quan hệ giữa du lịch với các lĩnh vực liên quan. Du lịch được xem là ngành kinh tế tổng hợp, phụ thuộc

manh vào giao thông, đô thị, thương mại, nông nghiệp, văn hóa, y tế, môi trường, quốc phòng–an ninh và kinh tế cửa khẩu; vì vậy, nội dung điều chỉnh được phân tích theo chuỗi liên kết “tài nguyên – hạ tầng – dịch vụ – thị trường – quản trị”. Cách tiếp cận này giúp xác định đúng các điểm nghẽn (hạ tầng kết nối, chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực, quản trị môi trường...) và xây dựng giải pháp có tính đồng bộ.

(4) Tiếp cận liên vùng – liên quốc gia nhằm đặt du lịch Lai Châu trong mạng lưới du lịch Tây Bắc và hành lang biên giới. Phương án điều chỉnh phân tích vai trò của tỉnh trong các tuyến điểm liên vùng, đồng thời xem xét khả năng hình thành chuỗi sản phẩm liên tỉnh, liên biên giới; qua đó xác định các “cửa ngõ”, “cực tăng trưởng” và sản phẩm có lợi thế cạnh tranh vùng.

(5) Tiếp cận theo quy luật cung – cầu và định hướng thị trường, coi thị trường là căn cứ định hình sản phẩm. Nhu cầu du lịch theo phân khúc và khả năng chi trả, thời gian lưu trú, xu hướng tiêu dùng được sử dụng để sàng lọc nhóm sản phẩm mũi nhọn, sản phẩm bổ trợ và tiêu chuẩn dịch vụ; từ đó chuyển trọng tâm từ “tăng lượng khách” sang “nâng giá trị thu trên khách”, giảm mùa vụ và tăng sức cạnh tranh.

### **3.2. Phương pháp kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch**

(1) Phân tích hệ thống và phân tích chuỗi giá trị du lịch. Phương pháp này được sử dụng để đánh giá tương tác giữa tài nguyên du lịch, điều kiện hạ tầng, dịch vụ, thể chế quản lý và thị trường; làm rõ mức độ sẵn sàng của từng khu vực; đồng thời nhận diện các điểm nghẽn theo chuỗi cung ứng (tiếp cận – lưu trú – trải nghiệm – tiêu dùng – rời đi). Kết quả phân tích hệ thống là cơ sở lựa chọn không gian ưu tiên và giải pháp đồng bộ.

(2) Điều tra khảo sát thực địa và kiểm chứng thông tin. Công tác khảo sát thực địa được thực hiện tại các khu vực động lực, các điểm đến trọng tâm và các dự án mở neo dự kiến triển khai, nhằm: (i) kiểm tra mức độ hấp dẫn và khả năng tổ chức trải nghiệm; (ii) đánh giá điều kiện tiếp cận, hạ tầng môi trường, an toàn; (iii) rà soát hiện trạng sử dụng đất và sức chứa; (iv) nhận diện xung đột tiềm năng giữa phát triển du lịch và bảo tồn; và (v) cập nhật danh mục điểm đến/dự án theo mức độ khả thi.

(3) Phương pháp thống kê – so sánh – dự báo. Số liệu được thu thập, chuẩn hóa và phân tích theo chuỗi thời gian để xác định xu hướng phát triển, mức phục

hồi và cơ cấu thị trường. Việc so sánh chuẩn được sử dụng để đối chiếu với các điểm đến tương đồng trong vùng; từ đó xây dựng các giả định và kịch bản tăng trưởng phù hợp. Trên cơ sở kịch bản, đề xuất chỉ tiêu khách, doanh thu, cơ sở lưu trú, sản phẩm và nhu cầu hạ tầng tương ứng.

(4) Phương pháp chuyên gia và tham vấn các bên liên quan. Các hội thảo chuyên gia, làm việc nhóm và tham vấn được sử dụng để phản biện phương án không gian – sản phẩm, đánh giá rủi ro và lựa chọn ưu tiên. Thành phần tham vấn gồm cơ quan quản lý, chính quyền cơ sở, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tại điểm đến, nhà khoa học và chuyên gia trong các lĩnh vực du lịch, văn hóa, môi trường, giao thông và đầu tư.

(5) Phương pháp kế thừa, tích hợp và sàng lọc ưu tiên dự án. Phương pháp này được áp dụng nhằm bảo đảm tính liên tục của quy hoạch, kế thừa kết quả nghiên cứu đã có và tích hợp các định hướng ngành/lĩnh vực liên quan. Điểm nhấn của điều chỉnh giai đoạn 2025–2030 là sàng lọc dự án theo tiêu chí “cụ thể hóa – nâng tầm quy mô – tập trung trọng điểm”: đối chiếu mục tiêu và danh mục trong quy hoạch đã duyệt với danh mục dự án đầu tư, xác định các dự án mỏ neo (có quỹ đất, có lợi thế kết nối, có khả năng thu hút nhà đầu tư chiến lược), đồng thời loại bỏ/điều chỉnh các dự án thiếu điều kiện triển khai.

(6) Phân tích SWOT và lựa chọn phương án chiến lược. SWOT được sử dụng để tổng hợp điểm mạnh – điểm yếu nội tại và cơ hội – thách thức từ bối cảnh bên ngoài; làm căn cứ thiết kế phương án phát triển không gian, xác định sản phẩm mũi nhọn và hệ giải pháp thực thi (thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực, xúc tiến, môi trường).

### **3.3. Quy trình đánh giá và hiệu chỉnh phương án**

Trên cơ sở các phương pháp nêu trên, quy trình điều chỉnh được thực hiện theo các bước logic: rà soát căn cứ và mục tiêu; cập nhật bối cảnh và thị trường; đánh giá hiện trạng tài nguyên – hạ tầng – dịch vụ; xác định cực tăng trưởng và sản phẩm mũi nhọn; sàng lọc danh mục dự án theo tiêu chí khả thi; xây dựng phương án tổ chức không gian và hệ sản phẩm; tham vấn, phản biện và hoàn thiện; cuối cùng là lượng hóa chỉ tiêu và đề xuất giải pháp thực hiện. Cách tiếp cận này bảo đảm phương án điều chỉnh vừa giữ tính thống nhất với quy hoạch đã phê duyệt, vừa tăng tính cụ thể, khả thi và phù hợp với định vị thương hiệu “Lai Châu – điểm đến núi cao, bản sắc và trải nghiệm xanh” trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

#### **4. Cơ sở pháp lý**

##### **a) Văn kiện, nghị quyết của Đảng**

• Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

• Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW.

• Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

• Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021–2030).

• Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025–2030 (và các chương trình/kế hoạch triển khai thực hiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp liên quan).

• Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

• Kết luận số 156/KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW.

##### **b) Hệ thống pháp luật**

• Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

• Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ).

• Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (làm căn cứ bố trí quỹ đất cho khu/điểm du lịch, hạ tầng du lịch, dự án dịch vụ–nghỉ dưỡng).

• Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (đánh giá tác động môi trường, quản lý sức chứa, kiểm soát tác động tại điểm đến).

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 (du lịch sinh thái, du lịch dưới tán rừng, khu bảo tồn, rừng đặc dụng).

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024.

- Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 liên quan quản lý khách quốc tế.

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014 (đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch).

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (là bối cảnh pháp lý quan trọng để rà soát tổ chức không gian du lịch theo cụm/tuyến và cơ chế điều phối liên địa bàn).

### **c) Chiến lược, quy hoạch, chương trình hành động liên quan**

- Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 (căn cứ trực tiếp cho điều chỉnh phương án phát triển du lịch của tỉnh).

- Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững thời gian tới.

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

## **PHẦN I. TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LAI CHÂU**

Lai Châu hội tụ đồng thời ba nhóm lợi thế cốt lõi hình thành “nền tảng tài nguyên” cho phát triển du lịch: (i) tài nguyên tự nhiên núi cao đặc sắc, cảnh quan hùng vĩ và đa dạng sinh thái; (ii) tài nguyên văn hóa giàu bản sắc, có chiều sâu tri thức bản địa và hệ thống lễ hội – thực hành văn hóa truyền thống; (iii) vị trí chiến lược trong không gian liên kết vùng Tây Bắc và hành lang biên mậu, tạo điều kiện mở rộng thị trường và hình thành tuyến điểm liên vùng, liên quốc gia. Sự đồng hiện của ba lợi thế này cho phép du lịch Lai Châu phát triển theo hướng đa sản phẩm, đa mùa vụ và có khả năng tạo lan tỏa sang nông nghiệp, thương mại dịch vụ, kinh tế cửa khẩu và sinh kế cộng đồng vùng cao.

Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bao trùm, du lịch của tỉnh có tiềm năng trở thành ngành kinh tế tổng hợp vừa khai thác hợp lý tài nguyên, vừa góp phần bảo tồn đa dạng sinh học – văn hóa, nâng cao thu nhập và tạo việc làm tại chỗ, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới.

### **1. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

#### **1.1. Địa hình**

Lai Châu có cấu trúc địa hình núi cao điển hình của vùng Tây Bắc với mức độ chia cắt mạnh, sườn dốc lớn, độ chênh cao theo không gian ngắn và cảnh quan sơn thủy hùng vĩ, qua đó tạo lập lợi thế so sánh nổi trội cho phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên (nature-based tourism), đặc biệt là du lịch mạo hiểm, du lịch khám phá và du lịch trải nghiệm. Đáng chú ý, tỉnh sở hữu 6/10 đỉnh núi cao nhất Việt Nam—một tập hợp tài nguyên hiếm có ở quy mô quốc gia—phân bố chủ yếu dọc dãy Hoàng Liên Sơn và khu vực biên giới, hình thành “cụm đỉnh cao” có giá trị đặc biệt về cảnh quan, đa dạng sinh học và sức hấp dẫn chinh phục. Các đỉnh tiêu biểu như Pu Si Lung, Pu Ta Leng, Kỳ Quan San/Bạch Mộc Lương Tử, Khang Su Văn (thuộc khối Hoàng Liên Sơn), Tả Liên Sơn, Pờ Ma Lung... không chỉ có ý nghĩa về mặt nhận diện điểm đến (destination branding) mà còn tạo “tài sản biểu tượng” để Lai Châu định vị hình ảnh là điểm đến của đỉnh cao – săn mây – khám phá rừng núi, khác biệt với nhiều địa phương trong vùng vốn thiên về tham quan đại trà.

Trên cơ sở đó, nhóm tài nguyên núi cao của tỉnh giữ vai trò “tài nguyên lõi” để hình thành và nâng cấp hệ sản phẩm chuyên biệt, có khả năng tạo giá trị gia tăng cao và kéo dài thời gian lưu trú, gồm: (i) trekking/leo núi theo cấp độ kỹ thuật (tuyến ngắn–trung bình–dài ngày; tuyến chinh phục đỉnh; tuyến xuyên rừng); (ii) săn mây và ngắm cảnh bình minh/hoàng hôn tại các sống núi, đèo cao, điểm quan sát tự nhiên; (iii) khám phá rừng nguyên sinh và hệ sinh thái núi cao gắn với diễn giải đa dạng sinh học, nhận diện loài và giáo dục môi trường; (iv) du lịch thể thao mạo hiểm (trail running, leo núi kỹ thuật, hành trình thám hiểm có kiểm soát); và (v) sự kiện/challenge gắn với địa hình (giải chạy địa hình, hành trình tuyến dài, tuần lễ “chinh phục đỉnh cao”), qua đó tạo cơ chế truyền thông hiệu quả, mở rộng thị trường và nâng cấp “cầu” liên kết giữa du lịch – dịch vụ – thương mại địa phương. Đây là nhóm sản phẩm phù hợp thu hút phân khúc khách có động cơ trải nghiệm rõ nét, mức chi trả tương đối cao, đồng thời có xu hướng quay lại theo mùa/đường tuyến mới.

## **2.2. Hệ thống hang động – thác nước**

Lai Châu sở hữu nhóm tài nguyên hang động và thác nước có khả năng tạo “lớp sản phẩm” bổ trợ quan trọng cho du lịch thiên nhiên, đặc biệt phù hợp với các chương trình tham quan – khám phá ngắn ngày, du lịch học tập (educational tourism) và trải nghiệm địa mạo – sinh thái. Điển hình, Danh lam thắng cảnh Pusamcap (phường Đoàn Kết) đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích quốc gia theo Quyết định số 3530/QĐ-BVHTTDL (năm 2011), qua đó khẳng định giá trị tài nguyên và tạo cơ sở pháp lý để định hướng bảo tồn – khai thác phục vụ du lịch. Với đặc trưng kiến tạo địa chất và hệ thống hang động – suối ngầm, Pusamcap có tiềm năng phát triển các sản phẩm: tham quan hang động gắn diễn giải (interpretation) về địa chất – cảnh quan; tour trải nghiệm “khám phá có kiểm soát” (guided caving) theo tuyến ngắn; kết hợp hoạt động văn hóa – ẩm thực địa phương và các điểm ngắm cảnh vùng ven đô, phù hợp cho phân khúc khách gia đình, học sinh – sinh viên và khách nghỉ cuối tuần.

Cùng với đó, các điểm thác nước (như thác Tác Tình, xã Bình Lư) tạo ra chuỗi trải nghiệm “thiên nhiên động” (nước – đá – rừng) và có ưu thế tích hợp với tuyến du lịch đường bộ kết nối Lào Cai – Lai Châu qua QL4D. Các thông tin giới thiệu điểm đến của cơ quan quản lý du lịch trung ương cũng ghi nhận thác Tác Tình là điểm tham quan gắn với cảnh quan và câu chuyện văn hóa bản địa, thuận lợi để

thiết kế sản phẩm dừng chân, chụp ảnh, picnic, trải nghiệm văn hóa cộng đồng lân cận.

Về vai trò trong cấu trúc sản phẩm của tỉnh, nhóm tài nguyên hang – thác có ý nghĩa như “bộ giảm tải” cho du lịch núi cao: (i) phân bổ khách theo không gian, giảm dồn nén vào một số điểm trekking/leo núi vốn nhạy cảm về sức chứa; (ii) phân bổ theo thời gian, tạo phương án thay thế trong điều kiện thời tiết bất lợi ở vùng cao (mưa, sương dày, gió mạnh); (iii) tăng trải nghiệm theo chuỗi, giúp hình thành tour kết hợp “đô thị – ven đô – sinh thái – cộng đồng” với chi phí tiếp cận thấp hơn, qua đó mở rộng thị trường.

Trong quy hoạch phát triển, khai thác nhóm tài nguyên này cần tuân thủ nguyên tắc bảo tồn – tôn tạo có kiểm soát, hạn chế “cứng hóa” không gian tự nhiên và tránh can thiệp xây dựng quy mô lớn trong vùng nhạy cảm. Định hướng ưu tiên gồm: phân vùng bảo vệ (vùng lõi – vùng đệm), thiết kế lối đi an toàn, biển chỉ dẫn và hệ thống chiếu sáng phù hợp trong hang động; chuẩn hóa quy trình tham quan theo tuyến, theo khung giờ; tăng năng lực cứu hộ – y tế tại chỗ; đồng thời thiết lập cơ chế quản lý rác thải, nước thải và kiểm soát hành vi du khách để bảo đảm chất lượng môi trường và tính hấp dẫn dài hạn của tài nguyên.

### **2.3. Tài nguyên mặt nước và lòng hồ thủy điện**

Hệ thống lòng hồ thủy điện lớn (tiêu biểu Huội Quảng, Bản Chát...) tạo ra một dạng tài nguyên đặc thù của Lai Châu: mặt nước rộng trong không gian núi cao, cảnh quan bán sơn địa và khả năng tổ chức hoạt động du lịch đường thủy. Các kênh thông tin du lịch chính thức của tỉnh đã mô tả rõ tiềm năng của lòng hồ Bản Chát/Huội Quảng cho các loại hình du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cuối tuần, đồng thời gợi mở các trải nghiệm cụ thể như dạo thuyền, ngắm cảnh, thăm làng cá và thưởng thức ẩm thực địa phương.

Xét theo logic quy hoạch sản phẩm, du lịch lòng hồ có thể giữ vai trò trụ cột hỗ trợ cho du lịch núi cao của tỉnh theo ba cơ chế: (i) Điều hòa mùa vụ: khi điều kiện thời tiết bất lợi cho trekking/leo núi, các hoạt động mặt nước – ven hồ vẫn có thể tổ chức ở mức độ phù hợp; (ii) Tạo chuỗi trải nghiệm liên hoàn “núi – hồ – bản”: kết hợp du lịch cảnh quan với văn hóa ven hồ, sinh kế (nuôi trồng thủy sản, chợ bản), ẩm thực và lưu trú cộng đồng; (iii) Tăng lan tỏa kinh tế địa phương: thúc đẩy dịch vụ vận tải, lưu trú, thương mại, tiêu thụ sản vật và sản phẩm thủ công, qua đó nâng “giá trị gia tăng tại chỗ”.

Tuy nhiên, để chuyển hóa tiềm năng thành sản phẩm bền vững, quy hoạch cần đặt trọng tâm vào các điều kiện nền: (1) an toàn giao thông đường thủy (quy chuẩn phương tiện, bến bãi, áo phao, cứu hộ); (2) quản trị môi trường mặt nước (kiểm soát rác thải nổi, nước thải từ dịch vụ ven hồ, giám sát chất lượng nước); (3) tổ chức không gian và quyền tiếp cận (điểm neo đậu, điểm ngắm cảnh, hành lang bảo vệ hồ); và (4) phối hợp liên ngành giữa tài nguyên – môi trường, giao thông, nông nghiệp, công thương và chính quyền cơ sở để thống nhất quản lý khai thác, bảo vệ và chia sẻ lợi ích.

#### **2.4. Khí hậu cao nguyên và suối khoáng nóng**

Nhóm tài nguyên khí hậu cao nguyên và nguồn nước khoáng nóng tạo ra dư địa rõ rệt cho Lai Châu phát triển dòng sản phẩm nghỉ dưỡng – chăm sóc sức khỏe (wellness), phù hợp xu hướng thị trường và có khả năng tăng mức chi tiêu/khách. Cao nguyên Sìn Hồ là không gian khí hậu đặc trưng vùng núi cao: ở độ cao trên 1.500m, nền nhiệt trung bình năm khoảng 18°C, có điều kiện mát mẻ tương đối ổn định; đây là cơ sở thuận lợi để hình thành các sản phẩm nghỉ dưỡng núi, retreat, trải nghiệm thảo dược – nông nghiệp đặc sản xứ lạnh và các hoạt động ngoài trời cường độ vừa. Đồng thời, định hướng của tỉnh trong triển khai Quy hoạch hệ thống du lịch cũng xác lập mục tiêu dài hạn phát triển Cao nguyên Sìn Hồ (cùng với Ô Quy Hồ) hướng tới đủ điều kiện khu du lịch quốc gia, qua đó cho thấy “độ ưu tiên chiến lược” của khu vực này trong cấu trúc không gian du lịch tỉnh.

Bổ trợ cho nghỉ dưỡng khí hậu là hệ thống suối khoáng nóng có tiềm năng phát triển các sản phẩm tắm khoáng – thư giãn – phục hồi. Các điểm như Vàng Pó (Phong Thổ) và Phiêng Phát (Tân Uyên) đã được giới thiệu trong hệ thống thông tin du lịch chính thức của tỉnh; trong đó, Phiêng Phát được ghi nhận thuộc quần thể danh thắng cấp tỉnh và có đặc điểm lưu lượng ổn định, lượng khách tăng theo mùa (thường cao vào giai đoạn tháng 11 đến tháng 3).

Ở góc độ quy hoạch, nhóm sản phẩm “khí hậu cao nguyên – khoáng nóng – tri thức bản địa” có lợi thế tính quanh năm (year-round) và khả năng “kéo dài lưu trú” nếu được tổ chức theo cụm, gắn với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ và chuỗi cung ứng địa phương (thảo dược, ẩm thực dưỡng sinh, sản phẩm OCOP). Tuy nhiên, cần nhấn mạnh các yêu cầu kiểm soát để tránh rủi ro phát triển nóng: (i) bảo vệ nguồn nước (vùng bảo hộ vệ sinh, giám sát khai thác); (ii) kiểm soát mật độ xây dựng và hình thái kiến trúc, hạn chế đô thị hóa không gian nghỉ dưỡng; (iii) chuẩn hóa vận hành và an toàn y tế (vệ sinh bể tắm, xử lý nước, an toàn cho nhóm khách

đặc thù); và (iv) thiết kế trải nghiệm dựa trên bản sắc, bảo đảm tính xác thực văn hóa và cơ chế chia sẻ lợi ích cho cộng đồng địa phương.

## **2. Tài nguyên du lịch văn hóa**

### **2.1. Đa dạng tộc người và cấu trúc cư trú cộng đồng**

Lai Châu là địa bàn cư trú đa tộc người, hiện có 20 dân tộc cùng sinh sống, trong đó 13 dân tộc cư trú thành cộng đồng (Thái, Giáy, Lào, Lự, Mảng, Kháng, Khơ Mú, Mông, Dao, Hà Nhì, La Hủ, Cống, Si La). Đặc trưng “cư trú thành cộng đồng” tạo nên không gian văn hóa bản địa tương đối liên tục (bản – mừng – cụm dân cư) với hệ tri thức bản địa, thiết chế xã hội truyền thống, tập quán sinh kế, hệ giá trị và thực hành văn hóa gắn chặt với lãnh thổ. Đây là lợi thế nổi bật để phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa theo hướng trải nghiệm (experiential tourism) và du lịch dựa vào cộng đồng (community-based tourism), vì “tài nguyên” không chỉ nằm ở hiện vật hay cảnh quan mà còn nằm ở đời sống văn hóa đang vận hành và khả năng tham gia của cộng đồng chủ thể.

Ở góc độ quy hoạch, cấu trúc đa tộc người và phân bố cộng đồng tạo điều kiện hình thành các tiểu vùng sản phẩm văn hóa (ví dụ: tiểu vùng văn hóa Thái; tiểu vùng văn hóa Mông; tiểu vùng văn hóa Dao; cụm bản Hà Nhì, Lự...) gắn với hệ trải nghiệm đặc trưng như kiến trúc nhà ở, trang phục, nghề thủ công, ẩm thực, chợ phiên, nghi lễ vòng đời và hệ tri thức canh tác – dược liệu. Định hướng này phù hợp với cách tiếp cận phát triển du lịch dựa trên bản sắc (identity-based destination development), đồng thời hỗ trợ mục tiêu bảo tồn văn hóa trong quá trình thương mại hóa dịch vụ.

### **2.2. Di sản văn hóa phi vật thể**

Lai Châu có lợi thế nổi trội về di sản phi vật thể ở cả cấp quốc tế và cấp quốc gia. Ở cấp quốc tế, Nghệ thuật Xòe Thái đã được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (năm 2021); đồng thời Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái được UNESCO ghi danh năm 2019, trong đó phạm vi phân bố có các tỉnh Tây Bắc, bao gồm Lai Châu. Việc có các thực hành văn hóa được quốc tế ghi nhận tạo “tài sản biểu tượng” có giá trị cao cho truyền thông điểm đến, đồng thời mở ra dư địa phát triển sản phẩm theo chuỗi: trình diễn – trải nghiệm học tập – tham gia thực hành – tiêu dùng sản phẩm văn hóa (âm nhạc, trang phục, ẩm thực, quà tặng, không gian lễ hội).

Ở cấp quốc gia, hệ di sản phi vật thể của tỉnh tiếp tục được bổ sung và củng cố; riêng năm 2025, tỉnh công bố các quyết định công nhận danh mục di sản phi vật thể quốc gia đối với một số thực hành tiêu biểu như Lễ hội Then Kin Pang, Âm thực của người Thái, Tri thức dân gian về chữa bệnh của người Dao, Lễ Cấp sắc của người Dao Tuyển... Bên cạnh đó, các nguồn thông tin chính thống của cơ quan quản lý nhà nước cũng ghi nhận các di sản cấp quốc gia gắn với Lai Châu như trò chơi kéo co trong nghi lễ của dân tộc Thái, Lễ hội Gầu Tào của dân tộc Mông, nghề dệt thổ cẩm dân tộc Lự...

Hàm ý quy hoạch ở đây là: di sản phi vật thể cần được nhìn như nguồn lực sản phẩm chứ không chỉ là đối tượng bảo tồn. Tuy vậy, quá trình “sản phẩm hóa” phải đặt trong khung bảo vệ tính xác thực (authenticity) và quyền chủ thể văn hóa, thông qua (i) quy tắc thực hành và giới hạn trình diễn; (ii) cơ chế chia sẻ lợi ích; (iii) chuẩn hóa hoạt động diễn giải (interpretation) để tránh giản lược, sân khấu hóa thô; và (iv) tích hợp giáo dục di sản cho thế hệ trẻ tại cộng đồng.

### **2.3. Hệ lễ hội truyền thống**

Lai Châu hiện duy trì tổ chức 39 lễ hội truyền thống và đã phục dựng 14 lễ hội, cho thấy mức độ phong phú của “tài nguyên sự kiện” và năng lực tái tạo đời sống văn hóa trong cộng đồng. Về mặt phát triển thị trường, hệ lễ hội tạo nền tảng để xây dựng lịch văn hóa điểm đến (destination cultural calendar), từ đó: (i) điều tiết dòng khách theo mùa; (ii) tạo “lý do đến” ngoài mục đích tham quan cảnh quan; và (iii) tăng thời gian lưu trú thông qua kết hợp lễ hội – chợ – ẩm thực – trải nghiệm nghề thủ công.

Trong báo cáo quy hoạch, nhóm tài nguyên lễ hội cũng cần được đánh giá theo tiêu chí quản trị: mức độ nhạy cảm văn hóa, yêu cầu không gian thực hành, năng lực tổ chức cộng đồng, khả năng kiểm soát sức chứa và tác động môi trường (rác thải, an ninh trật tự, an toàn thực phẩm). Đây là cơ sở để xác định lễ hội nào phù hợp nâng tầm thành sự kiện cấp tỉnh/cấp vùng, và lễ hội nào nên ưu tiên bảo tồn trong không gian bản địa với quy mô hợp lý.

### **2.4. Du lịch cộng đồng**

Du lịch cộng đồng ở Lai Châu đã hình thành các mô hình có khả năng lan tỏa. Điển hình, bản Sin Suối Hồ được trao Giải thưởng Du lịch cộng đồng ASEAN 2023 (hạng mục ASEAN Community Based Tourism Award), phản ánh mức độ đáp ứng tiêu chí về quản trị cộng đồng, trải nghiệm văn hóa và chất lượng dịch vụ

ở một điểm đến vùng cao. Trên bình diện chính sách phát triển kinh tế nông thôn, giai đoạn 2021–2025 tỉnh đã công nhận 03 bản du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao, gồm Sì Thâu Chải, Lao Chải 1 (xã Tam Đường) và Gia Khâu 1 (phường Đoàn Kết).

Các mô hình này cho thấy “đường đi” chuyển hóa tài nguyên văn hóa thành sản phẩm du lịch của tỉnh đang vận hành theo hướng: cộng đồng/HTX làm chủ thể cung ứng; chuẩn hóa dịch vụ lưu trú–ăn thực–hướng dẫn; kết nối tiêu thụ sản vật và sản phẩm thủ công; xây dựng quy ước/chuẩn mực ứng xử. Ở góc độ quy hoạch, nhóm điểm đến cộng đồng cần được xác định là cực hạt nhân để ưu tiên đầu tư hạ tầng mềm (đào tạo, tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn, kỹ năng diễn giải) và hạ tầng số (thông tin điểm đến, đặt dịch vụ, thanh toán), thay vì mở rộng tràn lan theo phong trào—nhằm bảo đảm chất lượng trải nghiệm và tránh suy giảm tính xác thực.

## **2.5. Di tích lịch sử – khảo cổ**

Bên cạnh di sản phi vật thể, Lai Châu có hệ di tích lịch sử – khảo cổ quan trọng, tạo dư địa phát triển du lịch văn hóa theo tuyến chuyên đề (lịch sử vùng biên, khảo cổ – tiền sử, ký ức không gian). Địa điểm lưu niệm Vua Lê Thái Tổ tại xã Lê Lợi đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia theo quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đồng thời gắn với Bảo vật quốc gia Bia Vua Lê Thái Tổ (Bia cổ Hoài Lai/Bia Lê Lợi), qua đó nâng tầm giá trị lịch sử và khả năng thu hút khách theo hướng du lịch văn hóa – tâm linh – giáo dục truyền thống.

Về khảo cổ, di chỉ Nậm Tun (xã Phong Thổ) đã được ghi nhận/xếp hạng ở cấp quốc gia, là cơ sở để phát triển sản phẩm tham quan gắn với diễn giải khoa học về lịch sử cư trú và văn hóa tiền – sơ sử tại địa phương. Ngoài ra, đường đá cổ Pavi/Pavie—một tuyến đường đá thủ công dài khoảng 16km, kết nối không gian Lai Châu – Lào Cai—đã được công nhận là di tích danh lam thắng cảnh cấp tỉnh, đồng thời có tiềm năng trở thành “hành lang trekking văn hóa” kết hợp cảnh quan – lịch sử giao thương – trải nghiệm cộng đồng.

## **3. Vị trí địa lý**

Lai Châu là tỉnh biên giới phía Tây Bắc, tiếp giáp trực tiếp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với chiều dài đường biên giới khoảng 265,165 km. Đặc điểm vị trí này tạo ra lợi thế địa – kinh tế quan trọng: vừa là “không gian tiếp xúc” giữa các dòng lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ và con người, vừa là địa bàn có ý nghĩa chiến

lược về đối ngoại, quốc phòng – an ninh, từ đó định hình rõ vai trò của tỉnh trong phát triển kinh tế biên mậu và các loại hình dịch vụ liên quan.

Trong cấu trúc cửa khẩu của tỉnh, Cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng là hạt nhân then chốt, có vai trò cửa ngõ thông thương và tổ chức các hoạt động qua lại biên giới; đồng thời là điểm tựa để phát triển các loại hình du lịch biên giới, du lịch tham quan – trải nghiệm không gian cửa khẩu, du lịch mua sắm và các chương trình tour liên tuyến (khi điều kiện về thủ tục, hạ tầng và quản trị được bảo đảm). Về phương diện thể chế và định hướng không gian, ngày 19/6/2025 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1185/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, tỉnh Lai Châu đến năm 2045, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức không gian phát triển khu kinh tế cửa khẩu theo hướng đồng bộ, hiện đại và có kiểm soát tác động môi trường – xã hội.

Một điểm đáng lưu ý về năng lực thực thi là tỉnh đã thúc đẩy cải cách thủ tục tại cửa khẩu: từ 01/01/2025, Trung tâm tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại Cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng chính thức vận hành theo mô hình tập trung, định hướng “cửa khẩu số/cửa khẩu thông minh”. Đây là điều kiện thuận lợi để cải thiện trải nghiệm thông quan, tăng tính dự báo và giảm chi phí giao dịch—những yếu tố có ý nghĩa nền tảng đối với việc hình thành các dòng khách du lịch biên giới theo hướng ổn định và bền vững.

Bên cạnh lợi thế biên giới, Lai Châu giữ vị trí quan trọng trong mạng lưới liên kết vùng Tây Bắc nhờ các trục giao thông đối ngoại kết nối với các trung tâm du lịch lân cận. Điển hình, Quốc lộ 4D qua đèo Ô Quy Hồ là hành lang kết nối trực tiếp Sa Pa (Lào Cai) – Tam Đường (Lai Châu), vừa là tuyến tiếp cận thị trường khách lớn từ Lào Cai, vừa là “không gian trải nghiệm” nổi bật (cảnh quan đèo, săn mây), qua đó tạo điều kiện hình thành các chương trình tour liên tỉnh theo chuỗi điểm đến.

Ở bình diện chính sách, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành kế hoạch triển khai Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến 2045 (được Thủ tướng phê duyệt tại QĐ 509/QĐ-TTg ngày 23/6/2024 và QĐ 382/QĐ-TTg ngày 21/02/2025), thể hiện rõ yêu cầu tăng cường liên kết tuyến điểm và phát triển không gian du lịch theo mạng lưới. Trên cơ sở đó, Lai Châu có thể tham gia hiệu quả vào các “chuỗi sản phẩm liên hoàn” trong vùng, theo hướng: (i) chia sẻ dòng khách từ các điểm đến đã có thị trường mạnh (như Sa Pa), (ii) bổ sung trải nghiệm khác biệt (núi cao mạo hiểm, cộng đồng bản địa, lòng hồ thủy điện), và (iii) nâng

thời gian lưu trú thông qua thiết kế hành trình liên tuyến Lai Châu – Lào Cai – Điện Biên gắn với các điểm nhấn theo mùa.

## PHẦN II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO TỒN VĂN HÓA TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

### 1. Thực trạng phát triển du lịch

#### 1.1. Quy mô thị trường và kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

Giai đoạn 2021–2025 ghi nhận quá trình phục hồi nhanh và tăng trưởng tương đối bền vững của du lịch Lai Châu sau cú sốc COVID-19, thể hiện qua cả lượng khách lẫn doanh thu dịch vụ du lịch. Năm 2021 là “đáy” của chu kỳ do hạn chế đi lại và tâm lý phòng dịch; tuy nhiên, tỉnh vẫn đạt khoảng 375.000 lượt khách (chủ yếu nội địa) với doanh thu khoảng 239,8 tỷ đồng. Từ năm 2022, thị trường bật tăng mạnh: ước 762.000 lượt khách, tổng doanh thu trên 555 tỷ đồng; sang năm 2023 đạt khoảng 1.045.000 lượt, doanh thu ước 784,309 tỷ đồng. Năm 2024 tiếp tục là năm tăng tốc với 1.359.000 lượt khách (trong đó 30.500 khách quốc tế), doanh thu ước trên 1.084 tỷ đồng. Đến năm 2025, tỉnh ước đạt 1.475.000 lượt khách (khoảng 35.000 khách quốc tế) và 1.205,7 tỷ đồng doanh thu, qua đó hoàn thành mục tiêu tăng trưởng năm và khẳng định đà phục hồi đã chuyển sang pha tăng trưởng.

**Bảng 1. Một số chỉ tiêu du lịch chủ yếu (2021–2025, theo tổng hợp số liệu tỉnh)**

Năm	Tổng lượt khách	Khách nội địa	Khách quốc tế	Doanh thu (tỷ đồng)	Tăng trưởng khách (%)
2021	375.000	375.000	0	239,8	–
2022	762.000	758.800	3.200	555,3	103,2
2023	1.045.000	1.029.500	15.500	784,3	37,1
2024	1.359.000	1.328.500	30.500	1.084,8	30,0
2025 (ước)	1.475.000	1.440.000	35.000	1.205,7	8,5

Ở bình diện toàn kỳ, tổng lượng khách giai đoạn 2021–2025 được các nguồn chính thống của trung ương ghi nhận trên 5 triệu lượt, với tốc độ tăng bình quân xấp xỉ 33,4%/năm (đặt trong bối cảnh nền 2021 thấp do dịch). Đồng thời, chỉ số giá trị gia tăng theo chiều sâu cũng cải thiện: doanh thu/khách tăng dần qua các năm (phản ánh xu hướng nâng chất lượng dịch vụ, kéo dài thời gian lưu trú và mở

rộng các hoạt động trải nghiệm có thu phí), dù cơ cấu thị trường vẫn thiên về nội địa và khách quốc tế còn chiếm tỷ trọng nhỏ.

## **1.2. Cơ cấu sản phẩm và định hình các dòng sản phẩm đặc trưng**

Trên cơ sở tài nguyên du lịch và định hướng phát triển, tỉnh đã dành nguồn lực phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch thế mạnh của tỉnh để thu hút khách du lịch, dần khẳng định được thương hiệu du lịch Lai Châu trong bản đồ du lịch, cụ thể:

- *Du lịch văn hoá*: Đã khôi phục 14 lễ hội, hỗ trợ duy trì tổ chức sau khôi phục 05 lễ hội, hỗ trợ tổ chức 40 lễ hội; duy trì tổ chức chuỗi sự kiện Lễ hội mùa xuân trên địa bàn tỉnh như: Lễ hội Nàng Han, Lễ hội Gầu Tào Cha, Tú Tỉ, Lễ hội Hoa Lan, Lễ hội Pu Ta Leng, Lễ hội Sứ Khon Khoài, Lễ hội trà; Lễ hội Lùng Túng...; đặc biệt đã tổ chức thường niên 03 sản phẩm Lễ hội theo quy mô cấp tỉnh (Tết độc lập 2/9; Lễ hội Đền thờ vua Lê Thái Tổ và Lễ hội Then Kin Pang); khai thác hiệu quả sản phẩm du lịch văn hoá theo chuyên đề chợ phiên vùng cao tại chợ phiên, chợ đêm San Thàng, chợ phiên Sìn Hồ, chợ phiên Sìn Suối Hồ, chợ phiên Tà Mung, chợ Đào San,... nhằm giới thiệu giá trị văn hoá đặc sắc của Lai Châu, gia tăng sự trải nghiệm của du khách trong nước và quốc tế đến Lai Châu.

- *Du lịch cộng đồng và làng nghề*: Đã đầu tư, nâng cấp và đưa vào khai thác hiệu quả một số sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hoá của từng dân tộc như: Bản Sìn Suối Hồ, xã Sìn Suối Hồ; bản Lao Chải 1, bản Thăm xã Khun Há; bản Sìn Thâu Chải, xã Tả Lèng; bản Chu Va 6, xã Bình Lư; bản Nà Khương, xã Bản Bo; bản San Thàng, phường Tân Phong; bản Thăm Phé, xã Mường Kim; bản Nam, bản Củng, xã Khoen On...; các làng nghề, nghề truyền thống sản xuất các loại bánh dân tộc Giáy, xã San Thàng, Làng nghề sản xuất miến Dong, xã Bình Lư, ... Đến nay, trên địa bàn có 25 khu, điểm du lịch được công nhận và đi vào hoạt động.

- *Du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp*: Tổ chức các tour du lịch, thăm quan, trải nghiệm sản phẩm nông nghiệp như: Sâm Lai Châu, Đồi chè Tân Uyên, Chè Cổ thụ tại xã Sìn Hồ, ...; Mô hình nuôi cá lồng tại bản Thăm Phé, xã Mường Kim; Ruộng bậc thang tại các xã Tả Lèng, Mường Kim, Khoen On, Đào San, Thu Lũm,...

- *Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng vui chơi giải trí trên núi, trên lòng hồ, và khám phá hang động, thác nước*: Khu du lịch Cầu kính Rồng Mây, Khu du lịch sinh thái Ô Quy Hồ, Quần thể danh thắng Động Pusamcap, phường Đoàn Kết,

Vịnh Pá Khôm, xã Mường Kim; Vịnh Ta Gia Khoen On, Thác Tác Tình, xã Bình Lư; Thác Rêu, xã Hồng Thu, Đồi Thông Than Uyên, xã Than Uyên; Thông lâm bản chít, xã Mường Than...

- *Du lịch thể thao mạo hiểm chinh phục các đỉnh núi*: Bước đầu hình thành các tour trekking, hiking các đỉnh núi, trong đó điểm nhấn là mùa hoa Đỗ Quyên trên đỉnh Pu Ta Leng cao 3.049m (xã Tả Lèng); đỉnh Pu Si Lung cao khoảng 3.083m (Xã Bum Nua); Bạch Mộc Lương Tử cao 3.046m (xã Sin Suối Hồ); Tả Liên Sơn cao 2.996m (xã Tả Lèng); thương liên tổ chức các giải thể thao leo núi mở rộng chinh phục đỉnh Tả Liên Sơn, đỉnh Răng Cưa, đỉnh Đỗ Quyên và giải Marathon con đường đá cổ Pavie thu hút đông đảo vận động viên và du khách tham gia.

### **1.3. Cơ sở vật chất – hạ tầng du lịch và mức độ sẵn sàng phục vụ**

Giai đoạn 2021-2025, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được cải thiện theo hướng tăng số lượng và nâng hạng chất lượng. Đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 138 cơ sở lưu trú (trong đó: 01 khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao; 37 khách sạn đạt tiêu chuẩn từ 01 đến 03 sao; 89 nhà nghỉ; 13 homestay) với tổng số 2.523 phòng; 150 nhà hàng đủ tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Góp phần tăng năng lực đón tiếp các đoàn khách có yêu cầu chất lượng cao và khách MICE quy mô vừa.

Hệ thống khu/điểm du lịch cấp tỉnh được mở rộng với 23 điểm du lịch và 02 khu du lịch (Khu du lịch Cầu kính Rồng Mây và Khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Hoàng Liên)

Ở góc độ “mức độ sẵn sàng phục vụ”, năm 2025 cho thấy du lịch đã vận hành tương đối ổn định về công suất và doanh thu (đạt mức cao so với kế hoạch năm). Tuy vậy, do đặc thù địa hình, chất lượng kết nối hạ tầng đến một số điểm trải nghiệm vùng cao và năng lực dịch vụ phụ trợ (hướng dẫn chuyên sâu, cứu hộ - an toàn, logistics cho trekking) cần tiếp tục đầu tư theo hướng chuẩn hóa.

### **1.4. Xúc tiến, liên kết vùng và mở rộng thị trường**

Công tác quảng bá, xúc tiến nhằm mở rộng thị trường khách đến Lai Châu được quan tâm triển khai dưới nhiều nội dung và hình thức thông qua việc tổ chức, đăng cai tổ chức các sự văn hóa, thể thao, du lịch quy mô lớn (Ngày hội văn hóa dân tộc Mông lần thứ III, Giải vô địch quốc gia Marathon Báo Tiền Phong năm 2023, Tuần Du lịch - Văn hóa Lai Châu, tổ chức phiên chuyên đề “Phát triển du lịch cộng đồng gắn với metaverse” trong chương trình Ngày hội khởi nghiệp đổi

mới sáng tạo Việt Nam tại Lai Châu, Hội chợ Sâm Lai Châu, Ngày hội Văn hoá các dân tộc có số dân dưới 10.000 người lần thứ I; Giải vô địch điền kinh các nhóm tuổi trẻ quốc gia...; Đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến du lịch thông qua các website; Fanpage; các trang mạng xã hội: Facebook, Youtube, Zalo, TikTok...; thực hiện số hóa 3D 360 được 10/23 khu, điểm du lịch được công nhận trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, các Công ty truyền thông xây dựng các phóng sự, video, clip quảng bá du lịch phát sóng trên các kênh truyền hình, màn hình LED tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng; tổ chức đón các đoàn khảo sát (famtrip)...

Hoạt động liên kết hợp tác phát triển du lịch được triển khai tích cực giữa Lai Châu với các tỉnh Tây Bắc mở rộng và TP Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, Tp. Đà Nẵng, tỉnh Bình Định và tỉnh Quảng Bình (nay là Quảng Trị)... nhằm hỗ trợ nhau tuyên truyền quảng bá, xây dựng sản phẩm liên tuyến, các tour du lịch liên tỉnh, liên vùng như tuyến "Vòng cung Tây Bắc" kết nối các điểm đến nổi bật của Lai Châu (Ô Quy Hồ, Sin Suối Hồ, Pusamcap...) với Sa Pa (Lào Cai) và Điện Biên; đồng thời hình thành các tour du lịch từ các thị trường có nguồn khách lớn như Hà Nội - Lào Cai - Lai Châu hoặc TP. HCM, khu vực Miền Trung - Tây Bắc để mở rộng thị trường khách đến Lai Châu.

**Đánh giá khái quát tình hình phát triển du lịch:** Tài nguyên du lịch tự nhiên bước đầu được khai thác phát huy một cách hiệu quả, bền vững kết hợp với tài nguyên nhân văn, đặc biệt là các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của của các dân tộc được bảo tồn và phát huy trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng các sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng của tỉnh, trong đó: Du lịch văn hóa, cộng đồng tiếp tục phát triển với các điểm bản đang ngày càng thu hút được du khách như Sin Suối Hồ, Sìn Thâu Chải, Lao Chải; du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên núi đã thu hút được một số nhà đầu tư phát triển các sản phẩm quy mô lớn như: Khu du lịch Cầu kính Rồng Mây; Khu du lịch Ô Quy Hồ; Du lịch chuyên đề lễ hội được tổ chức đa dạng với nhiều cấp độ quy mô, trong đó đã nâng cấp 03 lễ hội lên quy mô cấp tỉnh gồm: Lễ hội Đền vua Lê Lợi tại xã Nậm Hàng; Lễ hội Then Kin Pang tại xã Phong Thổ; Tết Độc Lập tại xã Than Uyên; Du lịch thể thao mạo hiểm như: Dù lượn; hiking; trekking các đỉnh núi; hang động, thác nước và du lịch gắn với nông nghiệp đang dần hình thành các mô hình hướng tới phát triển thành các sản phẩm đặc trưng; Công tác quảng bá xúc tiến, liên kết hợp tác phát

triển du lịch và chuyển đổi số trong ngành du lịch được quan tâm dành nguồn lực phát triển. Góp phần mở rộng thị trường khách đến Lai Châu trong thời gian qua.

## **2. Thực trạng công tác bảo tồn văn hoá gắn với phát triển du lịch**

Giai đoạn 2021–2025, công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc ở Lai Châu được định hướng tương đối rõ theo quan điểm “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, đồng thời là nguồn lực nội sinh cho phát triển”, trong đó nhấn mạnh yêu cầu gắn bảo tồn với phát triển du lịch như một cơ chế tạo sinh kế và tăng năng lực tự thân của cộng đồng. Trục chính sách quan trọng của giai đoạn là Nghị quyết số 04-NQ/TU (ban hành tháng 02/2021) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021–2025, định hướng đến 2030, qua đó đặt ra mục tiêu “vừa bảo tồn khẩn cấp các giá trị có nguy cơ mai một, vừa tổ chức khai thác hợp lý để chuyển hóa thành tài sản phát triển”.

### **2.1. Bảo tồn di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể)**

Về di sản phi vật thể, tỉnh tập trung duy trì thực hành và truyền dạy các hình thức văn hóa–tín ngưỡng có giá trị biểu trưng cao, đồng thời đặt các thực hành này trong khung bảo tồn phù hợp với thông lệ quốc tế. Ở cấp độ quốc tế, các di sản như Nghệ thuật Xòe Thái (được UNESCO ghi danh năm 2021) và Thực hành Then của các nhóm Tày–Nùng–Thái (UNESCO ghi danh năm 2019) tạo “trụ cột nhận diện” cho không gian văn hóa Thái, qua đó củng cố tính hấp dẫn của chuỗi sản phẩm lễ hội–trình diễn–trải nghiệm bản địa trong vùng Tây Bắc. Ở cấp tỉnh, hoạt động bảo tồn di sản được triển khai theo hướng tăng cường lập hồ sơ khoa học, phục dựng lễ hội, mở lớp truyền dạy; riêng giai đoạn 2021–2025, tỉnh được ghi nhận đã xây dựng 06 hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, đồng thời tổ chức 41 lớp truyền dạy (chữ viết, dân ca–dân vũ, nghề thủ công, kỹ thuật làm trang phục truyền thống...), phục dựng 14 lễ hội và duy trì 39 lễ hội truyền thống.

Về di sản vật thể, trọng tâm là sưu tầm–kiểm kê, nâng chất lượng trưng bày và tăng năng lực diễn giải di sản. Dữ liệu truyền thông chính thống tại địa phương cho thấy tỉnh đã sưu tầm 39 bộ sưu tập mới với khoảng 4.200 hiện vật liên quan các cộng đồng cư trú thành cộng đồng, qua đó nâng quy mô tư liệu hiện vật và tạo nền tảng cho bảo tàng hóa/giáo dục di sản gắn với phát triển du lịch. Bên cạnh đó, tỉnh bố trí nguồn lực tài chính đáng kể cho hoạt động sưu tầm–bảo tồn (được ghi nhận “hơn 8 tỷ đồng” trong giai đoạn) và tăng cường số hóa/ứng dụng CNTT trong lưu giữ, giới thiệu các giá trị văn hóa.

Đối với hệ thống di tích lịch sử – văn hóa, tỉnh tập trung tu bổ, tôn tạo một số điểm nhấn có giá trị biểu tượng và khả năng dẫn dắt dòng khách. Riêng Địa điểm lưu niệm Vua Lê Thái Tổ đã được công nhận là di tích quốc gia (theo quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và tiếp tục được tỉnh quan tâm đầu tư tu bổ, đồng thời tổ chức lễ hội thường niên như một cơ chế “kích hoạt” du lịch văn hóa. Ở quy mô toàn tỉnh, nguồn tin chính thống cũng cho thấy Lai Châu hiện có 05 di tích cấp quốc gia đã được xếp hạng (trong đó gồm Địa điểm lưu niệm Vua Lê Thái Tổ, Hang Tiên Sơn...), phản ánh bước tiến về nhận diện–pháp lý di sản vật thể cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

## **2.2. Gắn kết bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch**

Một kết quả nổi bật của giai đoạn 2021–2025 là xu hướng chuyển từ “bảo tồn thụ động” sang “bảo tồn có giá trị sử dụng” trong khuôn khổ du lịch, thể hiện qua việc đưa thực hành văn hóa và tri thức bản địa vào thiết kế sản phẩm (trình diễn, trải nghiệm nghề thủ công, ẩm thực, lễ hội, không gian nhà ở–trang phục–nhạc cụ). Về mặt mô hình, việc phát triển các bản du lịch cộng đồng trở thành kênh quan trọng để hiện thực hóa nguyên tắc “cộng đồng là chủ thể”, trong đó Sin Suối Hồ được ghi nhận đạt Giải thưởng Du lịch Cộng đồng ASEAN 2023 (trong khuôn khổ Diễn đàn Du lịch ASEAN – ATF), qua đó tạo hiệu ứng lan tỏa về tiêu chuẩn dịch vụ, quản trị điểm đến và thương hiệu bản du lịch. Đồng thời, tỉnh thúc đẩy chuẩn hóa sản phẩm theo chương trình OCOP: giai đoạn 2021–2025 đã xây dựng và công nhận 03 bản du lịch cộng đồng đạt OCOP 3 sao (bản Sì Thâu Chải, Lao Chải 1 và Gia Khâu 1), góp phần định hình cách tiếp cận “du lịch như một sản phẩm địa phương” với bộ tiêu chí và cơ chế đánh giá, nâng khả năng thương mại hóa và chất lượng phục vụ.

Cùng với đó, việc duy trì/khôi phục hệ thống lễ hội và tổ chức sự kiện văn hóa–du lịch quy mô tỉnh (tuần văn hóa–du lịch, ngày hội văn hóa theo tộc người/nhóm tộc người...) có ý nghĩa như một “công cụ điều tiết mùa vụ”, tạo nhịp tiêu dùng dịch vụ tại địa phương và củng cố “câu chuyện điểm đến” (destination narrative). Tuy nhiên, về bản chất, gắn kết bảo tồn–du lịch chỉ bền vững khi cơ chế phân phối lợi ích minh bạch, kiểm soát thương mại hóa và bảo đảm tính xác thực văn hóa (cultural authenticity) được thiết kế như một phần của quản trị điểm đến, tránh tình trạng trình diễn hóa đơn giản, sao chép sản phẩm hoặc làm nghèo hóa thực hành văn hóa.

## **2.3. Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở**

Giai đoạn 2021–2025, một “điểm tựa” quan trọng là hệ thống văn hóa cơ sở và phong trào văn nghệ quần chúng được củng cố, qua đó duy trì “môi trường thực hành” của di sản ngay trong cộng đồng. Năm 2025, toàn tỉnh có 975 đội văn nghệ quần chúng, trong đó tỷ lệ hoạt động thường xuyên ở mức cao; đồng thời, tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng/nhà văn hóa đạt 88,6%, vượt chỉ tiêu kế hoạch trong một số chương trình mục tiêu liên quan. Ở góc nhìn phát triển du lịch, đây là điều kiện cần để (i) bảo tồn di sản theo đúng logic “văn hóa sống”, (ii) tạo lực lượng tham gia trực tiếp vào dịch vụ biểu diễn–đón tiếp–hướng dẫn tại chỗ, và (iii) tăng khả năng cung ứng trải nghiệm “đúng mùa, đúng ngữ cảnh”, thay vì lệ thuộc hoàn toàn vào các chương trình dàn dựng.

#### **2.4. Hợp tác và hội nhập**

Hoạt động bảo tồn gắn với du lịch tại Lai Châu cũng được “khuếch đại” bởi các chương trình, dự án và liên kết vùng. Ở cấp quốc gia, việc triển khai Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021–2025 được ghi nhận đã góp phần cải thiện thiết chế, hỗ trợ truyền dạy, xây dựng câu lạc bộ văn hóa và đầu tư điểm đến tiêu biểu—tức là tăng năng lực thực thi bảo tồn ngay tại cơ sở. Ở cấp liên kết, các hoạt động quảng bá, giao lưu và phối hợp với mạng lưới địa phương (nhóm tỉnh Tây Bắc, các đô thị lớn) và hợp tác khu vực biên giới đóng vai trò mở rộng thị trường, nhưng cũng đòi hỏi chuẩn hóa thông điệp và tiêu chuẩn sản phẩm để tránh “đồng phục hóa” trải nghiệm giữa các tỉnh.

Bên cạnh kết quả tích cực, các thách thức chủ yếu của giai đoạn 2021–2025 có tính cấu trúc và nếu không được xử lý sẽ hạn chế khả năng chuyển hóa di sản thành lợi thế cạnh tranh du lịch. Thứ nhất, thiết chế văn hóa và hạ tầng phục vụ bảo tồn–trung bày–trình diễn tuy đã được đầu tư nhưng còn thiếu đồng bộ; một bộ phận trang thiết bị xuống cấp làm giảm chất lượng truyền dạy và trải nghiệm. Thứ hai, nhân lực văn hóa còn mỏng và chưa đồng đều về kỹ năng quản trị di sản, năng lực tham mưu và năng lực thiết kế sản phẩm (product development) theo chuẩn thị trường, đặc biệt ở tuyến cơ sở. Thứ ba, sản phẩm du lịch văn hóa tại một số điểm còn đơn điệu, quy mô nhỏ lẻ, chưa tạo được “gói trải nghiệm” có khả năng cạnh tranh quốc tế; đặc biệt, kinh tế đêm dựa trên văn hóa (đêm diễn, chợ đêm bản địa, trải nghiệm ẩm thực–thủ công) chưa được khai thác tương xứng. Cuối cùng, do điều kiện kinh tế–xã hội địa phương còn khó khăn, nguồn lực đầu tư dài hạn cho bảo tồn và hạ tầng văn hóa—nhất là vùng sâu, vùng xa—vẫn là ràng buộc quan

trọng, đặt ra yêu cầu tăng cường xã hội hóa có kiểm soát, lồng ghép đa nguồn vốn và ưu tiên đầu tư theo cụm điểm đến thay vì dàn trải.

Tổng thể giai đoạn 2021–2025 cho thấy Lai Châu đã tiến gần mô hình “bảo tồn để phát triển” với một số kết quả có thể kiểm chứng: tăng cường hồ sơ hóa–tư liệu hóa và truyền dạy; nâng năng lực văn hóa cơ sở; hình thành điểm đến cộng đồng đạt ghi nhận khu vực ASEAN và thúc đẩy chuẩn hóa OCOP cho du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, để bảo đảm bền vững, trọng tâm giai đoạn tiếp theo cần chuyển từ “nhiều hoạt động” sang “nâng chất lượng hệ thống”: chuẩn hóa sản phẩm và diễn giải di sản; tăng năng lực nhân lực văn hóa–du lịch cấp cơ sở; kiểm soát thương mại hóa và sức chứa; và đầu tư theo cụm nhằm tạo chuỗi trải nghiệm đủ chiều sâu, qua đó vừa bảo vệ tính xác thực văn hóa, vừa nâng hiệu quả kinh tế du lịch.

## **PHẦN III. XU HƯỚNG VÀ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH, BẢO TỒN VĂN HÓA TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2025 – 2030**

### **1. Bối cảnh và xu hướng du lịch thế giới**

Sau cú sốc COVID-19, du lịch quốc tế đã chuyển từ pha “phục hồi” sang pha “tái tăng trưởng” với cấu trúc thị trường và động lực cạnh tranh mới. Các báo cáo của UN Tourism cho thấy năm 2024 lượng khách du lịch quốc tế đã gần như trở về mức trước dịch (xấp xỉ 99% so với 2019) và năm 2025 dự kiến tiếp tục tăng khoảng 3–5%; riêng châu Á–Thái Bình Dương được xác định là khu vực phục hồi muộn hơn nhưng tăng tốc đáng kể trong bối cảnh các thị trường Đông Bắc Á và các tuyến bay quốc tế mở rộng trở lại. Ở bình diện kinh tế, du lịch tiếp tục là ngành có độ lan tỏa lớn: WTTC ước tính năm 2024 du lịch và lữ hành đóng góp khoảng 10,9 nghìn tỷ USD (khoảng 10% GDP toàn cầu) và hỗ trợ khoảng 357 triệu việc làm, củng cố vai trò của du lịch như một “động lực phục hồi” cho thương mại dịch vụ, việc làm và tiêu dùng trải nghiệm trong giai đoạn 2026–2030.

Cùng với đà phục hồi, thị trường ghi nhận sự dịch chuyển rõ nét trong hành vi và kỳ vọng của du khách, theo hướng đặt trọng tâm vào “an toàn–sức khỏe–thiên nhiên–bản sắc”. Một mặt, nhu cầu đối với du lịch chăm sóc sức khỏe (wellness tourism) và nghỉ dưỡng gắn với thiên nhiên/khí hậu gia tăng; các báo cáo của Global Wellness Institute cho thấy du lịch sức khỏe không chỉ phục hồi mà còn mở rộng tỷ trọng trong tổng chi tiêu du lịch sau đại dịch, phản ánh xu hướng tiêu dùng dựa trên phòng bệnh, nâng cao thể chất–tinh thần và tìm kiếm trải nghiệm tái tạo năng lượng. Mặt khác, xu hướng du lịch xanh và bền vững chuyển từ “khẩu hiệu” sang “tiêu chí lựa chọn” của người tiêu dùng và đối tác lữ hành: nhiều khảo sát quốc tế cho thấy phần lớn du khách mong muốn đưa yếu tố bền vững vào quyết định đi lại, đồng thời chú ý hơn tới tác động của du lịch đối với môi trường và cộng đồng sở tại. Song hành với đó là xu thế đi theo nhóm nhỏ và cá nhân hóa hành trình (gia đình, bạn bè, solo), ưu tiên linh hoạt về lịch trình, chuỗi trải nghiệm đặc thù theo mùa – theo không gian văn hoá và sự tương tác với cộng đồng địa phương cá nhân hoá theo nhu cầu và mức độ tương tác văn hoá sâu hơn; xu thế này thúc đẩy các điểm đến phát triển sản phẩm theo mô hình “nhiều lớp trải nghiệm” thay vì phụ thuộc vào các đoàn tour lớn truyền thống.

Một xu hướng có tính cấu trúc khác là chuyển đổi số và du lịch thông minh, gắn chặt với Cách mạng công nghiệp 4.0. UN Tourism nhấn mạnh số hóa đang thúc đẩy trải nghiệm du lịch theo hướng liền mạch, ít ma sát và chất lượng cao,

thông qua đặt dịch vụ trực tuyến, thanh toán “không chạm”, quản trị vận hành dựa trên dữ liệu, và phát triển các công cụ diễn giải tài nguyên/di sản bằng công nghệ nhập vai (VR/AR). OECD cũng chỉ ra vai trò của AI và Big Data trong cá nhân hóa gợi ý điểm đến–dịch vụ và tối ưu trải nghiệm theo thời gian thực, qua đó làm thay đổi cách thức cạnh tranh của doanh nghiệp và điểm đến. Trong bối cảnh chi phí di chuyển có thể biến động bởi lạm phát, giá năng lượng và rủi ro địa chính trị, các điểm đến muốn duy trì đà tăng trưởng giai đoạn 2026–2030 sẽ phải đáp ứng đồng thời hai yêu cầu: (i) tạo giá trị trải nghiệm tương xứng chi phí (value for money) và (ii) bảo đảm tiêu chuẩn an toàn–bền vững–số hóa như những “điều kiện gia nhập” ngày càng bắt buộc của thị trường quốc tế.

## **2. Bối cảnh và xu hướng du lịch trong nước**

Trong giai đoạn 2025–2030, phát triển du lịch Việt Nam tiếp tục được đặt trong khuôn khổ chủ trương coi du lịch là ngành kinh tế có tính lan tỏa cao, cần được tổ chức theo cách tiếp cận hệ thống và liên kết liên ngành–liên vùng nhằm nâng cao hiệu lực quản lý và năng lực cạnh tranh điểm đến. Hồ sơ Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn 2045 nhấn mạnh định hướng phát triển mới dựa trên nguyên tắc phát huy lợi thế quốc gia, tăng liên kết không gian và hướng tới mục tiêu đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Về thị trường, nội địa tiếp tục là trụ cột và “bệ đỡ” cho tăng trưởng, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau COVID-19. Tài liệu quy hoạch ghi nhận giai đoạn 2020–2021 du lịch đã có bước phục hồi đáng kể “chủ yếu đến từ thị trường trong nước”, qua đó cho thấy vai trò quyết định của cầu nội địa trong duy trì hoạt động doanh nghiệp, việc làm và năng lực cung ứng dịch vụ.

Dự báo trong quy hoạch cũng hàm ý quy mô thị trường nội địa tiếp tục mở rộng mạnh đến 2030 (trong các bảng dự báo có nêu mốc quy mô khoảng 160 triệu lượt), tạo nền cầu lớn cho các điểm đến vùng sâu, vùng xa nếu được kết nối thuận lợi và có sản phẩm phù hợp với nhu cầu nghỉ ngắn ngày, linh hoạt và trải nghiệm đa dạng. Xu hướng tiêu dùng nội địa vì vậy dịch chuyển theo hướng ưu tiên “tính thuận tiện – giá trị trải nghiệm – thời gian di chuyển hợp lý”, làm nổi bật nhu cầu du lịch cuối tuần/ngắn ngày và các hình thức đi theo nhóm nhỏ, tự tổ chức.

Đối với thị trường quốc tế, định hướng giai đoạn 2026–2030 được nhấn mạnh theo hướng vừa duy trì các thị trường truyền thống và thị trường gần, vừa chủ động mở rộng các thị trường mới nổi, đồng thời tăng tỷ trọng phân khúc khách có khả năng thanh toán cao và lưu trú dài ngày. Quy hoạch xác định rõ hai bước đi:

giai đoạn 2021–2025 chú trọng khai thác các thị trường đã mở cửa và thu hút thị trường mới nổi như Ấn Độ, Trung Đông; giai đoạn 2026–2030 duy trì thị trường gần (Đông Bắc Á, Đông Nam Á) và chú trọng khai thác thị trường cao cấp (một số nước Tây Âu, Bắc Mỹ, Úc/Niu Di-lân...), đồng thời đa dạng hóa thị trường để giảm phụ thuộc.

Định hướng này cho thấy “chất lượng thị trường” (mức chi tiêu, thời gian lưu trú, mức độ sử dụng dịch vụ) ngày càng trở thành tiêu chí trọng yếu; quy hoạch cũng dẫn số liệu điều tra trước dịch về chi tiêu và thời lượng chuyến đi của khách quốc tế như một căn cứ để nhấn mạnh yêu cầu nâng giá trị thu trên khách.

Về cấu trúc sản phẩm, định hướng quốc gia đặt trọng tâm phát triển đồng bộ 04 dòng sản phẩm chủ đạo gắn với các vùng du lịch, trong đó gồm du lịch biển đảo, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch đô thị; đồng thời nhấn mạnh vai trò của du lịch cộng đồng như một bộ phận quan trọng trong nhóm sản phẩm văn hóa và sinh thái, với nguyên tắc cộng đồng là chủ thể quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi.

Khung sản phẩm này tạo “mặt bằng” cho các địa phương phát triển theo hướng chuyên biệt hóa: điểm đến nào có lợi thế tài nguyên sẽ lựa chọn tổ hợp sản phẩm phù hợp, nâng cấp trải nghiệm và tăng khả năng liên kết tour tuyến trong vùng.

Một động lực quan trọng khác là đột phá hạ tầng giao thông, đặc biệt hệ thống đường bộ cao tốc và các tuyến liên vùng, góp phần rút ngắn thời gian di chuyển và tăng khả năng phân phối khách giữa các trung tâm nguồn (Hà Nội, TP.HCM...) với các vùng du lịch mới. Quy hoạch nêu rõ nhiều tuyến giao thông quan trọng đã tạo đột phá cho phát triển du lịch, trong đó có cao tốc Nội Bài – Lào Cai (tuyến có ý nghĩa trực tiếp đối với hành lang du lịch Tây Bắc) cùng một số tuyến cao tốc liên vùng khác; đồng thời khẳng định liên kết vùng và kết nối tour tuyến giúp phân phối khách từ các trung tâm du lịch lớn sang các địa phương chưa phát triển, qua đó mở rộng không gian thị trường cho các điểm đến vùng núi.

Tổng hợp lại, bối cảnh du lịch trong nước giai đoạn 2025–2030 được đặc trưng bởi: (i) cầu nội địa tiếp tục tăng và giữ vai trò nền tảng; (ii) tái cơ cấu thị trường quốc tế theo hướng đa dạng hóa và ưu tiên phân khúc chi trả cao–lưu trú dài ngày; (iii) phát triển sản phẩm theo 4 dòng chủ đạo, trong đó du lịch văn hóa–sinh thái–cộng đồng là không gian cơ hội lớn cho miền núi; và (iv) hạ tầng kết nối liên vùng tạo điều kiện để các điểm đến vùng sâu, vùng xa tham gia sâu hơn vào chuỗi

tour tuyến quốc gia, miễn là có năng lực tổ chức sản phẩm, chất lượng dịch vụ và liên kết thị trường tương xứng

### **3. Bối cảnh và xu hướng vùng Trung du & Miền núi phía Bắc**

Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc được xác định gồm 9 tỉnh (trong đó có Lai Châu) và là không gian phát triển có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng–an ninh, đối ngoại, đồng thời giữ vai trò quan trọng đối với môi trường sinh thái của toàn vùng Bắc Bộ. Đặc trưng nổi bật của vùng là không tiếp giáp biển nhưng có đường biên giới quốc gia với Trung Quốc và Lào; kinh tế – xã hội và kết cấu hạ tầng nhìn chung còn hạn chế so với các vùng khác, song lại hội tụ hệ tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa đa dạng, tạo điều kiện phát triển các sản phẩm dựa vào thiên nhiên và trải nghiệm bản sắc dân tộc thiểu số.

Về “vị thế – tài nguyên” theo cấu trúc vùng, hồ sơ quy hoạch hệ thống du lịch nhấn mạnh thế mạnh tài nguyên tự nhiên của Trung du và Miền núi phía Bắc được biểu hiện rõ qua 03 hệ sinh thái chủ đạo: (i) hệ sinh thái núi cao hùng vĩ gắn với dãy Hoàng Liên Sơn ở phía Tây Bắc; (ii) hệ thống hang động – karst đặc trưng ở Đông Bắc; và (iii) hệ sinh thái vùng trung du ở khu vực trung tâm (như Phú Thọ, Lào Cai).

Đồng thời, vùng còn có các “điểm tựa thương hiệu” ở quy mô quốc gia và quốc tế như các Công viên địa chất toàn cầu UNESCO đã được công nhận tại Tuyên Quang và Cao Bằng, tạo dư địa mở rộng sản phẩm du lịch địa chất – cảnh quan – giáo dục môi trường theo xu hướng thị trường mới.

Trên nền tảng tài nguyên đó, cấu trúc sản phẩm đặc thù của vùng hình thành theo nhóm trải nghiệm “thiên nhiên – văn hóa – lịch sử”, trong đó nổi bật là: (i) du lịch sinh thái và thể thao mạo hiểm/chinh phục thiên nhiên (đi bộ, leo núi; chinh phục cung đường đèo, đỉnh núi; dù lượn, vượt thác...) triển khai rộng ở nhiều tỉnh, bao gồm cả Lai Châu; (ii) du lịch cộng đồng, trải nghiệm đời sống – văn hóa các dân tộc thiểu số, ẩm thực địa phương như một sinh kế bền vững; và (iii) du lịch về nguồn gắn với các địa danh lịch sử – cách mạng quan trọng của vùng.

Ở góc độ tổ chức không gian, vùng được định vị là cửa ngõ phía Bắc trong quan hệ du lịch với Trung Quốc và Lào thông qua hệ thống cửa khẩu; đồng thời các tuyến/hành lang kinh tế – giao thông liên vùng (như Điện Biên – Sơn La – Phú Thọ – Hà Nội; Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng; các tuyến vành đai

biên giới...) tạo khung liên kết để hình thành các cụm điểm đến và tour tuyến theo chuỗi.

Xu hướng nổi bật của giai đoạn tới là tăng cường liên kết vùng và liên kết thị trường theo mô hình “hành lang – cụm điểm đến”, trong đó vai trò trung tâm phân phối khách của Hà Nội đối với toàn vùng được nhấn mạnh (Hà Nội vừa là điểm đến, vừa là nguồn khách lớn và là đầu mối giao thông).

Đặc biệt, cơ chế hợp tác các tỉnh Tây Bắc mở rộng (Lào Cai, Phú Thọ, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Tuyên Quang) được ghi nhận triển khai từ năm 2008, với các hoạt động phối hợp xúc tiến, tham gia hội chợ, tổ chức sự kiện tại thị trường trọng điểm (Hà Nội, TP.HCM), mở rộng thị trường quốc tế và nâng cấp kênh thông tin; qua đó hỗ trợ tăng trưởng khách và thu hút đầu tư dịch vụ, lưu trú chất lượng cao cho toàn tiểu vùng.

Xu hướng này hàm ý rằng cạnh tranh trong vùng sẽ ngày càng dựa trên năng lực liên kết tour tuyến, chuẩn hóa dịch vụ và tạo bản sắc riêng cho từng điểm đến trong chuỗi—đây là bối cảnh trực tiếp chi phối định hướng phát triển du lịch Lai Châu giai đoạn 2025–2030.

## **PHẦN IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG ÁN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO TỒN VĂN HÓA TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

### **1. Quan điểm phát triển**

Giai đoạn 2025–2030, tỉnh Lai Châu quán triệt quan điểm xuyên suốt “Lấy bản sắc văn hóa làm nền tảng và động lực phát triển; phát triển du lịch bền vững dựa trên văn hóa và sinh thái”. Theo đó, phát triển du lịch không tách rời bảo tồn văn hóa và bảo vệ hệ sinh thái, mà được tổ chức như một quá trình chuyển hóa có kiểm soát các giá trị văn hóa – tự nhiên thành sản phẩm và dịch vụ, đồng thời bảo đảm lợi ích của cộng đồng địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến và đóng góp thiết thực cho tăng trưởng kinh tế – xã hội.

Thứ nhất, văn hóa là nguồn lực nội sinh và điều kiện cốt lõi của phát triển du lịch. Lai Châu coi các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử và bản sắc của 13 dân tộc cư trú thành cộng đồng là “tài sản” then chốt để tạo khác biệt cho điểm đến, trong đó bảo tồn (đặc biệt là bảo tồn di sản sống) là điều kiện tiên quyết để hình thành sản phẩm du lịch độc đáo, có chiều sâu và có khả năng cạnh tranh. Quan điểm này nhấn mạnh việc tôn trọng đa dạng văn hóa, bảo đảm quyền chủ thể văn hóa của cộng đồng, hạn chế thương mại hóa thô, đồng thời thúc đẩy các cơ chế truyền dạy – phục hồi – diễn giải di sản gắn với không gian sống bản địa.

Thứ hai, du lịch được xác định là ngành kinh tế quan trọng, có tính lan tỏa và dẫn dắt chuyển dịch cơ cấu dịch vụ. Phát triển du lịch được định hướng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, kích thích các ngành liên quan (nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, vận tải, lưu trú, ẩm thực), tạo việc làm tại chỗ và mở rộng sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn – vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trọng tâm là nâng chất lượng sản phẩm và dịch vụ theo chuỗi trải nghiệm “đến – ở – làm – mua”, tăng chi tiêu/khách và kéo dài thời gian lưu trú, thay vì tăng trưởng thuần túy theo số lượng.

Thứ ba, phát triển xanh và bền vững là nguyên tắc tổ chức không gian và quản trị điểm đến. Lai Châu ưu tiên mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, giảm áp lực lên tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, đồng thời lồng ghép yêu cầu thích ứng biến đổi khí hậu và quản trị rủi ro thiên tai. Quan điểm này đòi hỏi quản lý sức chứa tại các tuyến/điểm nhạy cảm; kiểm soát

tác động rác thải – nước thải; hạn chế can thiệp xây dựng thô bạo; và khuyến khích các chuẩn mực du lịch có trách nhiệm, bảo đảm hài hòa giữa khai thác và bảo tồn.

Thứ tư, cộng đồng là trung tâm và là chủ thể đồng kiến tạo trong bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch. Phát triển du lịch gắn với mục tiêu nâng cao năng lực cộng đồng: tham gia ra quyết định, cung ứng dịch vụ, quản trị chất lượng và hưởng lợi công bằng. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo thể chế, định hướng tiêu chuẩn và đầu tư hạ tầng thiết yếu; doanh nghiệp đóng vai trò tổ chức thị trường và nâng cấp dịch vụ; cộng đồng là chủ thể văn hóa – dịch vụ; qua đó hình thành cơ chế hợp tác công – tư – cộng đồng nhằm bảo đảm tính bền vững và tính xác thực của sản phẩm.

Thứ năm, đẩy mạnh số hóa và đổi mới sáng tạo trong quản trị, bảo tồn và xúc tiến du lịch. Lai Châu coi công nghệ số là công cụ quan trọng để (i) tư liệu hóa, số hóa và lan tỏa giá trị di sản; (ii) nâng hiệu quả quản lý điểm đến dựa trên dữ liệu; (iii) phát triển marketing số, thương mại điện tử du lịch và hệ thống thông tin du lịch thông minh; và (iv) hỗ trợ doanh nghiệp - cộng đồng tiếp cận thị trường, nâng chất lượng trải nghiệm, đảm bảo an ninh an toàn cho du khách, nhất là trên không gian mạng và nền tảng số trong dịch vụ du lịch (đặt dịch vụ trực tuyến, bản đồ số, diễn giải tài nguyên, kể chuyện điểm đến).

Thứ sáu, mở rộng liên kết vùng và hội nhập quốc tế để gia tăng thị trường và năng lực cạnh tranh. Trong đó ưu tiên tập trung liên kết phát triển với các địa phương, trung tâm du lịch lớn của Việt Nam như: các tỉnh Tây Bắc mở rộng; Hà Nội, Ninh Bình, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ...; phối hợp hình thành tuyến điểm liên hoàn và xúc tiến chung; đồng thời phát triển hợp tác quốc tế gắn với lợi thế cửa ngõ biên giới (Vân Nam – Trung Quốc) và kết nối khu vực các tỉnh Bắc Lào, Bắc Thái Lan; các nước ASEAN, hướng tới mở rộng thị trường, nâng chất lượng sản phẩm.

## **2. Mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Đến năm 2030, phát triển du lịch Lai Châu theo hướng bền vững dựa trên văn hóa và sinh thái, lấy bản sắc của các cộng đồng dân tộc cư trú làm nền tảng tạo khác biệt và coi du lịch là ngành kinh tế quan trọng có tính lan tỏa, đóng góp thiết thực vào tăng trưởng khu vực dịch vụ, tạo việc làm, nâng cao sinh kế và giảm nghèo bền vững. Phát triển du lịch Lai Châu trở ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu ngành dịch

vụ của tỉnh, tập trung phát triển dịch vụ du lịch với các sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với cảnh quan thiên nhiên, khí hậu và bản sắc văn hóa các dân tộc, phát triển mạnh du lịch leo núi (treking), thể thao mạo hiểm, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc; ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch mới như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chăm sóc sức khỏe và vui chơi giải trí,... Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phấn đấu đến năm 2050, hình thành 02 khu/điểm du lịch cấp quốc gia, 04 tổ hợp dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân golf và 44 khu, điểm du lịch cấp tỉnh với các sản phẩm du lịch đặc sắc, khác biệt như: Dự án trồng rừng kết hợp với du lịch sinh thái, dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí dưới tán rừng, hình thành Cung đường tình yêu - Hành trình hạnh phúc với các loài hoa bản địa (hoa đào, đỗ quyên,...) khu vực Ô Quy Hồ gắn với xây dựng các khu, điểm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, trải nghiệm văn hóa truyền thống của các dân tộc; các tổ hợp dịch vụ khám phá, chinh phục các đỉnh núi gắn với vùng hoa Đỗ quyên qua các hình thức trải nghiệm hiện đại như: Hệ thống cáp treo, cầu kính trên sườn núi,... Chuyển trọng tâm từ “lưu giữ” văn hóa sang “bảo tồn chủ động và phát huy có kiểm soát” giá trị văn hóa, coi di sản là nền tảng tạo khác biệt cho sản phẩm du lịch.

Quá trình phát triển du lịch được gắn chặt với bảo tồn và phát huy di sản văn hóa – lịch sử, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và trải nghiệm theo chuỗi “đến – ở – làm – mua” nhằm tăng chi tiêu/khách, kéo dài thời gian lưu trú và giảm tính mùa vụ. Trên nền tảng đó, du lịch Lai Châu được định hướng phát triển dựa trên các nhóm sản phẩm thế mạnh của địa phương; các nhóm sản phẩm du lịch được sắp xếp và tổ chức theo các cụm không gian/địa bàn có lợi thế tương ứng để hình thành chuỗi sản phẩm liên hoàn, hỗ trợ lẫn nhau và phân bổ dòng khách hợp lý. Cùng với đó, tỉnh thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị điểm đến và xúc tiến thị trường, tăng cường liên kết vùng với các tỉnh Tây Bắc mở rộng và hợp tác quốc tế (Việt Nam – Trung Quốc, Lào), qua đó nâng năng lực cạnh tranh và củng cố định vị thương hiệu “Lai Châu – điểm đến núi cao, bản sắc và trải nghiệm xanh”.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

*\*. Về nhóm mục tiêu phát triển du lịch:*

- Đạt khoảng 2,3 triệu lượt khách vào năm 2030, bảo đảm tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 10%/năm trong giai đoạn 2025–2030, duy trì quỹ đạo tăng trưởng ổn định sau phục hồi COVID-19 và gắn với nâng chất lượng dịch vụ.

- Đạt khoảng 60.000 lượt khách quốc tế vào năm 2030; ưu tiên thu hút phân khúc khách có mức chi trả cao, thời gian lưu trú dài hơn, khách quan tâm trải nghiệm thiên nhiên – văn hóa bản địa, du lịch mạo hiểm có kiểm soát và du lịch chăm sóc sức khỏe.

- Số ngày lưu trú bình quân khách du lịch quốc tế đến năm 2030 đạt 2,1 ngày; số ngày lưu trú bình quân khách du lịch nội địa đến năm 2030 đạt 1,85 ngày.

- Đạt trên 2.700 tỷ đồng doanh thu du lịch vào năm 2030; tăng hiệu quả theo hướng nâng chi tiêu/khách, mở rộng dịch vụ bổ trợ (ẩm thực, mua sắm, hướng dẫn trải nghiệm, sản vật địa phương), đẩy mạnh tính quanh năm của sản phẩm để giảm tính mùa vụ.

- Phát triển hệ thống cơ sở lưu trú đạt khoảng 3.000 buồng/phòng vào năm 2030; nâng chất lượng theo tiêu chuẩn, tăng tỷ trọng cơ sở lưu trú đáp ứng yêu cầu thị trường trung – cao cấp, đồng thời phát triển mô hình lưu trú cộng đồng/homestay theo hướng chuẩn hóa.

- Hình thành và phát triển 02 khu du lịch tiềm năng trở thành khu du lịch cấp quốc gia, trong đó bổ sung Cao nguyên Sơn Hồ như một cực tăng trưởng mới cho du lịch nghỉ dưỡng – chăm sóc sức khỏe; đồng thời hoàn thiện mạng lưới điểm đến theo cụm/tuyến liên hoàn, gắn với các hành lang kết nối vùng (đặc biệt trục Hoàng Liên Sơn – Ô Quy Hồ).

- Chuẩn hóa và nâng hạng chất lượng du lịch cộng đồng, phấn đấu có ít nhất 01 sản phẩm du lịch OCOP đạt 4–5 sao, đóng vai trò mô hình mẫu về quản trị, chất lượng dịch vụ và chia sẻ lợi ích với cộng đồng.

*\*. Về nhóm mục tiêu bảo tồn và phát triển văn hóa gắn với du lịch*

- Duy trì tỷ lệ gia đình văn hóa  $\geq 86\%$  và tỷ lệ thôn/bản văn hóa đạt khoảng 78%, bảo đảm nền tảng xã hội thuận lợi cho bảo tồn “văn hóa sống” và phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững.

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu mạng lưới 37 di tích theo định hướng quy hoạch; tập trung nâng cao chất lượng bảo tồn theo hướng ưu tiên xếp hạng, tu bổ và tôn tạo khoảng 70% các di tích quốc gia, bảo đảm tính nguyên gốc, an toàn và năng lực khai thác phục vụ giáo dục – tham quan – trải nghiệm, gắn với hệ thống diễn giải di sản.

- Bảo vệ tính xác thực và nâng cao năng lực thực hành của cộng đồng đối với các di sản phi vật thể tiêu biểu (nghệ thuật trình diễn, lễ hội, nghề thủ công, tri thức dân gian), tăng cường truyền dạy trong cộng đồng, đồng thời xây dựng quy tắc khai thác du lịch để hạn chế thương mại hóa thô và bảo đảm chia sẻ lợi ích công bằng.

- Đẩy mạnh số hóa tư liệu di sản, hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và diễn giải; phát triển truyền thông số về bản sắc văn hóa và điểm đến, kết nối với hoạt động xúc tiến du lịch, góp phần mở rộng thị trường và nâng chất lượng trải nghiệm.

- Tăng cường liên kết với các tỉnh Tây Bắc mở rộng trong phát triển tuyến điểm và xúc tiến, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế (Việt Nam – Trung Quốc, Lào) theo hướng vừa quảng bá bản sắc văn hóa vừa mở rộng thị trường, trên cơ sở bảo đảm yêu cầu quản trị biên giới và bảo tồn bền vững.

### **2.3. Tầm nhìn đến 2050**

Mục tiêu đến 2050: Đạt trên 7 triệu lượt khách du lịch, trong đó đạt trên 300.000 lượt khách quốc tế; ưu tiên thu hút phân khúc khách có mức chi trả cao, thời gian lưu trú dài hơn, khách quan tâm trải nghiệm thiên nhiên – văn hóa bản địa, du lịch mạo hiểm có kiểm soát và du lịch chăm sóc sức khỏe; số ngày lưu trú bình quân đạt 2,5 ngày; doanh thu du lịch đạt trên 8.000 tỷ đồng; duy trì tốc độ tăng trưởng lượt khách giai đoạn 2031-2035 đạt khoảng từ 5-8%/năm.

Đến năm 2050, Lai Châu phấn đấu trở thành điểm đến núi cao – bản sắc – xanh có năng lực cạnh tranh vững chắc trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, đồng thời có vị thế rõ ràng trên bản đồ du lịch quốc gia và từng bước tham gia sâu hơn vào các tuyến điểm liên vùng và thị trường quốc tế; phát triển theo mô hình kinh tế du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa nhưng được quản trị hiện đại, trong đó chất lượng trải nghiệm, an toàn và bền vững là tiêu chí cốt lõi. Trên nền cấu trúc không gian đa cực liên thông, hình thành chuỗi hành trình “núi cao – bản – hồ – biên giới” vận hành quanh năm, được dẫn dắt bởi các trung tâm trải nghiệm, sự kiện và trưng bày có quy mô đủ lớn để tạo nhịp du lịch ổn định. Hệ sản phẩm đến 2050 được nâng lên theo hướng chuyên biệt hóa và chuẩn hóa tiệm cận thông lệ quốc tế, trong đó du lịch nghỉ dưỡng và du lịch sự kiện cao cấp trở thành các trụ cột tương lai bên cạnh sản phẩm mạo hiểm và văn hóa: (i) phát triển các tổ hợp nghỉ dưỡng núi cao, retreat chăm sóc sức khỏe, spa–wellness gắn khí hậu, cảnh quan và tri thức bản địa, hướng tới phân khúc khách chi trả cao và lưu trú dài ngày;

(ii) hình thành hệ sinh thái du lịch sự kiện chất lượng cao gồm các giải thể thao địa hình chuẩn hóa, lễ hội văn hóa quy mô vùng/quốc gia, festival nghệ thuật–ẩm thực, tuần lễ du lịch – thương hiệu, và các sự kiện MICE quy mô phù hợp điều kiện địa hình, qua đó tạo động lực giảm mùa vụ, tăng chi tiêu và nâng tầm hình ảnh điểm đến; (iii) tiếp tục chuyên nghiệp hóa du lịch mạo hiểm núi cao có kiểm soát rủi ro và du lịch văn hóa bản địa chiều sâu theo nguyên tắc diễn giải có trách nhiệm; đồng thời (iv) tiếp tục nghiên cứu, tạo điều kiện để hình thành và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu, xu hướng sử dụng dịch vụ du lịch của du khách và phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội, tận dụng và khai thác tối đa tiềm năng lợi thế khí hậu, tự nhiên và truyền thống văn hóa, lịch sử của các dân tộc trên địa bàn tỉnh cho phát triển du lịch. Công tác bảo tồn chuyển từ “khẩn cấp” sang “bảo tồn phát triển”, dựa trên số hóa di sản, truyền dạy liên thế hệ và cơ chế kinh tế văn hóa để di sản “tự sống” trong cộng đồng, tạo nguồn lực tái đầu tư cho bảo tồn. Toàn bộ tiến trình phát triển được bảo đảm bởi quản trị điểm đến xanh–an toàn–bao trùm, quản lý sức chứa và kiểm soát tác động môi trường, cơ chế chia sẻ lợi ích minh bạch cho cộng đồng, cùng tăng cường liên kết vùng và hợp tác biên giới nhằm mở rộng thị trường và nâng cao giá trị gia tăng của du lịch Lai Châu.

### **3. Phương án bảo tồn và phát triển Văn hóa – Du lịch tỉnh Lai Châu giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn đến năm 2050**

#### **3.1. Định hướng tổng thể và nguyên tắc triển khai**

Phương án giai đoạn 2025–2030 xác lập cách tiếp cận “văn hóa là nền tảng – sinh thái là không gian – du lịch là động lực kinh tế”, trong đó bảo tồn văn hóa không tách rời phát triển du lịch mà được tổ chức như một quá trình chuyển hóa giá trị di sản thành sản phẩm trải nghiệm có kiểm soát, bảo đảm tính xác thực, chia sẻ lợi ích công bằng với cộng đồng và giảm thiểu tác động môi trường. Trọng tâm là nâng cấp chất lượng sản phẩm theo chuỗi “đến – ở – làm – mua”, mở rộng không gian phát triển theo cụm động lực, đồng thời xây dựng năng lực quản trị điểm đến (an toàn, sức chứa, tiêu chuẩn dịch vụ, diễn giải di sản, vệ sinh môi trường) để đảm bảo tăng trưởng bền vững.

#### **3.2. Định hướng không gian phát triển và hệ sản phẩm**

Hệ thống du lịch Lai Châu đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 được tổ chức lại theo hướng tập trung và liên kết, gồm 02 khu du lịch quốc gia, 04 tổ hợp dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân golf, và 03 cụm du lịch với 44 khu, điểm du lịch cấp tỉnh đóng vai trò hạt nhân, trên cơ sở tương đồng về địa lý,

mức độ kết nối hạ tầng giao thông và cấu trúc tài nguyên. Cách tổ chức này nhằm chuyển từ tư duy phân chia “cứng” theo địa giới hành chính sang tư duy phát triển theo không gian trải nghiệm, qua đó hình thành mạng lưới tuyến–điểm liên hoàn và ưu tiên đầu tư theo các “cực động lực”. Trên nền tảng đó, thương hiệu điểm đến của tỉnh được định vị thống nhất là “Lai Châu – điểm đến núi cao, bản sắc và trải nghiệm xanh”, trong đó núi cao và cảnh quan hùng vĩ là trực trải nghiệm chủ đạo, bản sắc văn hóa các dân tộc là chiều sâu khác biệt, còn “xanh” là nguyên tắc phát triển xuyên suốt (hạn chế can thiệp thô, bảo vệ hệ sinh thái, tôn trọng cộng đồng). Theo cách tiếp cận này, mỗi khu du lịch quốc gia và mỗi cụm du lịch được xác lập nhóm sản phẩm chính (đặc thù) để dẫn dắt thị trường và tạo nhận diện thương hiệu, đồng thời phát triển nhóm sản phẩm bổ trợ nhằm gia tăng độ dày trải nghiệm, nâng chi tiêu/khách, điều hòa mùa vụ và phân tán áp lực khỏi các điểm tập trung cao.

### **3.2.1. Khu du lịch Quốc gia**

Định hướng phát triển khu du lịch quốc gia (tiềm năng) đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 của tỉnh Lai Châu được cấu trúc theo mô hình “hai cực tăng trưởng”, trong đó Khu du lịch Ô Quy Hồ giữ vai trò cửa ngõ liên vùng ở phía Đông và Khu du lịch sinh thái Cao nguyên Sìn Hồ giữ vai trò trung tâm nghỉ dưỡng khí hậu – dược liệu. Cả hai khu vực đều được lựa chọn ưu tiên dựa trên lợi thế so sánh về khả năng kết nối, tính độc đáo của tài nguyên và khả năng hình thành các sản phẩm “mỏ neo” quy mô lớn nhằm nâng cấp cơ cấu thị trường theo hướng tăng chi tiêu, kéo dài lưu trú và giảm mùa vụ, đồng thời đặt trong khuôn khổ phát triển bền vững, hạn chế can thiệp thô và bảo tồn hệ sinh thái – văn hóa bản địa.

#### **a). Khu du lịch Ô Quy Hồ**

Khu du lịch Ô Quy Hồ (cực tăng trưởng phía Đông) được định vị là “Cửa ngõ núi cao của Lai Châu: sinh thái Hoàng Liên – trải nghiệm đẳng cấp – xanh và an toàn”. Khu du lịch nằm ở cửa ngõ liên vùng và trung tâm trải nghiệm núi cao – dịch vụ cao cấp. Ô Quy Hồ được ưu tiên đầu tư nhờ vị trí cửa ngõ kết nối trực tiếp với Khu du lịch quốc gia Sa Pa thông qua Quốc lộ 4D, đồng thời hưởng lợi từ các dự án hạ tầng liên vùng, đặc biệt là hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên mới khởi công và tuyến cao tốc Lai Châu – Bảo Hà trong tương lai. Định hướng phát triển của Ô Quy Hồ nhấn mạnh ba trục: một là khai thác tối đa lợi thế liên kết vùng để “hút” dòng khách lớn từ Sa Pa và hành lang cao tốc; hai là chuyển dịch từ mô hình tham quan ngắn ngày sang mô hình tổ hợp du lịch quy mô lớn và chất lượng cao nhằm tăng thời gian lưu trú; ba là định vị Ô Quy Hồ như không gian biểu tượng

của du lịch sinh thái núi cao và trải nghiệm cảnh quan đặc sắc của Tây Bắc. Hệ sản phẩm của Ô Quy Hồ được tổ chức theo hai lớp sản phẩm chính và sản phẩm bổ trợ:

Lớp sản phẩm chính tập trung vào các tổ hợp quy mô lớn và sản phẩm “mỏ neo” có khả năng tạo sức hút thị trường: (i) du lịch sinh thái núi cao và danh thắng gắn liền Ô Quy Hồ – Hoàng Liên Sơn, kết hợp hệ thống hang động, trong đó dự án quần thể du lịch đèo Hoàng Liên gắn hang động Tiên Sơn (khoảng 1.000 ha) là hạt nhân tạo chuỗi trải nghiệm cảnh quan – địa mạo; (ii) du lịch nghỉ dưỡng cao cấp và thể thao, đặc biệt là tổ hợp nghỉ dưỡng – thể thao sân golf tại xã Bình Lư (khoảng 100 ha) dưới chân thác Tác Tình, hướng tới phân khúc khách chi trả cao và lưu trú dài ngày; (iii) du lịch vui chơi giải trí tổng hợp, tiêu biểu là quần thể du lịch nghỉ dưỡng Vườn địa đàng Sơn Bình (khoảng 106,19 ha) đóng vai trò bổ sung hệ dịch vụ giải trí – nghỉ dưỡng và nâng “độ dày” trải nghiệm để tăng khả năng giữ chân khách.

Lớp sản phẩm bổ trợ được phát triển nhằm hoàn thiện chuỗi trải nghiệm, phân tán dòng khách và điều hòa mùa vụ: (i) du lịch văn hóa bản địa tại các bản cộng đồng vệ tinh của người Mông, Dao, Thái (ví dụ các điểm tại Khun Há, Sì Thâu Chải), tập trung vào trải nghiệm đời sống – ẩm thực – nghề thủ công theo hướng có diễn giải và tôn trọng văn hóa; (ii) du lịch mạo hiểm (trekking) theo hướng kết nối liên cụm, liên tuyến, gắn Ô Quy Hồ với các tuyến chinh phục Pu Ta Leng, Bạch Mộc Lương Tử từ hướng Tam Đường nhằm hình thành hành trình “cửa ngõ – đèo – đỉnh – bản”; và (iii) sản phẩm nghỉ dưỡng ngắn ngày/du lịch cuối tuần (short-stay) phục vụ khách đô thị và nhóm khách quá cảnh từ Sa Pa, qua đó gia tăng quy mô thị trường nội địa và giảm tính phụ thuộc vào một mùa cao điểm.

#### b). Khu du lịch sinh thái Cao nguyên Sìn Hồ

Khu du lịch sinh thái Cao nguyên Sìn Hồ được định vị là thủ phủ nghỉ dưỡng và dược liệu: Đây là trung tâm nghỉ dưỡng khí hậu – sinh thái mặt nước – du lịch sức khỏe. Cao nguyên Sìn Hồ được định vị là không gian nghỉ dưỡng vùng cao có tính khác biệt nhờ khí hậu ôn đới quanh năm và cảnh quan cao nguyên đặc thù, được định hướng phát triển tương tự mô hình “điểm đến nghỉ dưỡng khí hậu” như Sa Pa hoặc Đà Lạt của Tây Bắc. Quan điểm phát triển của khu vực này đặt trọng tâm vào khai thác lợi thế khí hậu và dược liệu để hình thành thương hiệu du lịch sức khỏe (wellness) gắn với vùng trồng và sản phẩm Sâm Lai Châu; đồng thời yêu cầu bảo tồn cảnh quan, rừng đầu nguồn, thác nước và giá trị văn hóa bản địa

nhằm tránh xu hướng bê tông hóa và suy giảm chất lượng môi trường – yếu tố nền tảng của điểm đến nghỉ dưỡng.

Nhóm sản phẩm chính: tập trung vào các hạt nhân có khả năng tạo thị trường và kéo dài lưu trú: (i) du lịch nghỉ dưỡng khí hậu gắn sinh thái mặt nước và cảnh quan cao nguyên, tiêu biểu là dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Hoàng Hồ (khoảng 100 ha), khai thác lợi thế mặt nước 27 ha trên cao nguyên để phát triển không gian nghỉ dưỡng hiện đại nhưng hài hòa thiên nhiên; (ii) du lịch sinh thái thác – rừng, tiêu biểu là dự án du lịch sinh thái thác Nậm Lức (khoảng 150 ha), khai thác thác nước tự nhiên gắn với rừng nguyên sinh như một sản phẩm cảnh quan – sinh thái có tính biểu tượng; (iii) du lịch chăm sóc sức khỏe (wellness) dựa trên tắm thuốc, trị liệu bằng dược liệu và thảo dược đặc hữu, gắn chặt với định hướng phát triển vùng dược liệu, qua đó tạo chuỗi giá trị “trải nghiệm – trị liệu – sản phẩm” có giá trị gia tăng cao.

Nhóm sản phẩm bổ trợ tại Sìn Hồ : tập trung làm dày trải nghiệm và mở rộng tệp khách: (i) du lịch trải nghiệm văn hóa vùng cao thông qua tham quan chợ phiên, bản làng, sinh hoạt văn hóa của người Mông, Dao trên cao nguyên theo nguyên tắc tôn trọng văn hóa và tăng vai trò chủ thể cộng đồng; (ii) du lịch khám phá thiên nhiên như trekking xuyên rừng đầu nguồn, khám phá hệ sinh thái núi đá và rừng già, định hướng theo mô hình trải nghiệm có kiểm soát nhằm bảo vệ hệ sinh thái và duy trì sức hấp dẫn dài hạn cho điểm đến.

### **3.2.2. Các cụm du lịch chính**

#### *a). Cụm Động lực Trung tâm và Cửa ngõ*

Cụm Động lực Trung tâm và Cửa ngõ được định vị là không gian tập trung mạnh nhất về hạ tầng, dịch vụ đô thị và khả năng kết nối liên vùng (đặc biệt trục Sa Pa – Ô Quy Hồ – Lai Châu), đồng thời là nơi hình thành các sản phẩm cao cấp và sản phẩm mũi nhọn về mạo hiểm núi cao. Cụm này bao gồm trung tâm hành chính – đô thị (phường Đoàn Kết, Tân Phong, xã Phong Thổ), các điểm cửa ngõ ở Bình Lư, các không gian trekking đỉnh cao ở Tả Lèng, và các bản du lịch cộng đồng tiêu biểu như Sìn Suối Hồ, Khun Há.

#### Về sản phẩm chính:

- Du lịch cao cấp gắn tổ hợp nghỉ dưỡng – giải trí – thể thao sân golf: phát triển các tổ hợp đa chức năng tại phường Đoàn Kết (200 ha), xã Bình Lư (100 ha) và xã Tân Uyên (197 ha). Đây là nhóm sản phẩm nhằm nâng cấp cơ cấu thị trường

theo hướng tăng chi tiêu, kéo dài lưu trú và tạo động lực dịch vụ chất lượng cao (nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao, hội thảo). Đặc biệt, điểm Bình Lư có lợi thế “cửa ngõ” giáp Sa Pa, dưới chân thác Tác Tình, thuận lợi hình thành chuỗi nghỉ dưỡng liên vùng; điểm Tân Uyên định hướng kết hợp công viên sinh thái và dịch vụ hội thảo, gắn với trục QL32 và quy hoạch sân bay.

- Du lịch cộng đồng và trải nghiệm văn hóa người Mông, Dao, Thái: phát triển các bản văn hóa gắn sinh thái và ruộng bậc thang (Khun Há) và mô hình bản du lịch cộng đồng kiểu mẫu (Sin Suối Hồ), cung cấp lưu trú, ẩm thực, trải nghiệm nghề thủ công, diễn giải văn hóa và mua sắm sản vật.

- Du lịch sinh thái núi cao – khí hậu gắn liên kết Sa Pa: trọng tâm là Khu du lịch sinh thái Ô Quy Hồ (Bình Lư) và cụm đèo Hoàng Liên gắn hang động Tiên Sơn, phát triển theo hướng sinh thái núi cao, nghỉ dưỡng khí hậu, trải nghiệm cảnh quan và văn hóa, đóng vai trò “cửa sổ thương hiệu” của Lai Châu trên tuyến liên vùng với Lào Cai.

- Du lịch mạo hiểm, trekking chinh phục đỉnh cao: phát triển quần thể chinh phục đỉnh Pu Ta Leng (Tả Leng) như sản phẩm mũi nhọn của cụm (trekking/leo núi theo cấp độ), đồng thời tích hợp tuyến Bạch Mộc Lương Tử qua Sin Suối Hồ, gắn với bảo tồn hệ sinh thái rừng (ví dụ rừng đỗ quyên) và tiêu chuẩn an toàn – cứu hộ.

- Du lịch hang động – karst và khám phá địa mạo: hình thành chuỗi sản phẩm hang động tại khu vực đô thị và vùng phụ cận (Pu Sam Cáp; Nà Bỏ; Bản Giang; Chin Chu Chải...), kết hợp các điểm trải nghiệm cảnh quan, tạo hệ sản phẩm tham quan – khám phá quanh năm, phù hợp nhiều phân khúc khách.

#### Về sản phẩm bổ trợ:

- Du lịch sinh thái nông nghiệp vùng chè và điểm vệ tinh đô thị: phát triển “sinh thái vùng chè” và các điểm vui chơi – bản văn hóa (Bản Hòn) quanh trung tâm hành chính, tạo sản phẩm ngắn ngày/ cuối tuần, đồng thời tăng khả năng “đóng gói” tour kết hợp đô thị – hang động – bản.

- Du lịch MICE và sự kiện tại trung tâm tỉnh: gắn với các tổ hợp dịch vụ (đặc biệt tại các khu vực định hướng có sân golf và đô thị sinh thái), phát triển hội nghị – hội thảo quy mô phù hợp, lễ hội văn hóa và sự kiện thể thao để tăng nhịp du lịch và giảm mùa vụ.

- Du lịch mua sắm và trải nghiệm cửa khẩu: phát triển tuyến điểm gần Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng theo hướng “biên giới – thương mại – văn hóa”, đóng vai trò hỗ trợ cho các hành trình liên vùng và thị trường khách đường bộ.

#### *b). Cụm Nghỉ dưỡng và Chăm sóc sức khỏe*

Cụm Nghỉ dưỡng và Chăm sóc sức khỏe được định vị là không gian phát triển du lịch wellness của tỉnh nhờ mật độ dày đặc các nguồn khoáng nóng, kết hợp cảnh quan vùng chè và tài nguyên mặt nước lòng hồ thủy điện. Cụm này tập trung ở khu vực Tân Uyên – Pắc Ta – Mường Khoa – Mường Than - Than Uyên – Khoen On – Nậm Sỏ/Mường Kim, thuận lợi tổ chức sản phẩm quanh năm, hướng tới phân khúc gia đình, nhóm nhỏ và phân khúc chi trả cao cho nghỉ dưỡng trị liệu.

#### Về sản phẩm chính:

- Du lịch khoáng nóng và nghỉ dưỡng trị liệu (wellness): phát triển các điểm suối khoáng nóng Phiêng Phát, Nà Hoi, Trung Đồng (Tân Uyên); Nà Ún và sinh thái Pắc Ta; suối khoáng nóng bản Mé và các điểm liên quan tại Than Uyên. Nhóm sản phẩm này được định hướng theo hướng khoáng nóng cao cấp, kết hợp chăm sóc sức khỏe, spa – trị liệu, nghỉ dưỡng cuối tuần và retreat phục hồi, đồng thời chuẩn hóa tiêu chuẩn vệ sinh – an toàn – chất lượng dịch vụ.

- Du lịch sinh thái nông nghiệp gần vùng chè: tổ chức trải nghiệm “vùng chè – văn hóa bản địa – ẩm thực”, tích hợp thăm quan, trải nghiệm canh tác/chế biến, không gian thưởng trà và mua sắm sản vật, qua đó tạo khác biệt cho cụm wellness và gia tăng chi tiêu ngoài lưu trú.

- Du lịch lòng hồ thủy điện Huổi Quảng và Bản Chát: phát triển sản phẩm du lịch mặt nước gồm tham quan lòng hồ, thể thao mặt nước, trải nghiệm thủy sinh – câu cá, nghỉ dưỡng ven hồ; đồng thời kết hợp tham quan hang động Bản Mè tại Khoen On để hình thành chuỗi “khoáng nóng – chè – hồ – hang động”.

#### Về sản phẩm hỗ trợ:

- Du lịch cộng đồng gần nông nghiệp và bảo tồn văn hóa: phát triển điểm du lịch cộng đồng tại Mường Khoa (bản Hồ Tra) gắn với bảo tồn văn hóa Mông và sản phẩm nông nghiệp (chè cổ thụ, cá nước lạnh), cùng chuỗi điểm tại Than Uyên (Bản Hua Than, Khu 9...) kết hợp ngắm cảnh thung lũng và trải nghiệm văn hóa.

- Du lịch cảnh quan và điểm ngắm: hình thành các điểm ngắm cảnh, tuyến đi bộ nhẹ, điểm dừng chân ven hồ và vùng chèo, hỗ trợ cho nhóm khách gia đình và khách nghỉ dưỡng.

- Du lịch sự kiện theo mùa: tổ chức các sự kiện quy mô phù hợp (lễ hội văn hóa bản địa, sự kiện thể thao cộng đồng, tuần lễ trà – khoáng nóng...) nhằm tạo nhịp du lịch quanh năm, kích cầu vào mùa thấp điểm.

### *c). Cùm Sinh thái Sông Đà – Cao nguyên và Biên giới*

Cùm này phát triển dựa trên trục sông Đà, tài nguyên lòng hồ thủy điện lớn và lợi thế độ cao – khí hậu của cao nguyên Sìn Hồ, đồng thời mở rộng không gian khám phá thiên nhiên hoang sơ và bảo tồn tại khu vực biên giới Mường Tè. Đây là cùm có vai trò quan trọng trong đa dạng hóa sản phẩm, tạo “không gian trải nghiệm sâu” và phát triển du lịch sinh thái – bảo tồn theo nguyên tắc trách nhiệm.

#### Về sản phẩm chính:

- Du lịch nghỉ dưỡng khí hậu cao nguyên Sìn Hồ: định hướng Khu du lịch sinh thái Cao nguyên Sìn Hồ như không gian nghỉ dưỡng khí hậu, phát triển gắn được liệu và văn hóa vùng cao theo mô hình lưu trú dài ngày, nghỉ dưỡng “ở chậm”, hướng tới phân khúc khách chi trả cao và thị trường nghỉ dưỡng bốn mùa.

- Du lịch lòng hồ thủy điện Lai Châu: phát triển du lịch sinh thái lòng hồ tại Mường Mò và Pú Dao (Lê Lợi) theo hướng nghỉ dưỡng ven hồ, thể thao nước, trải nghiệm hoàng hôn – cảnh quan, và kết nối với dịch vụ cộng đồng ven hồ, hình thành sản phẩm điều hòa mùa vụ cho toàn tỉnh.

- Du lịch khám phá – mạo hiểm biên giới: phát triển trekking/leo núi chinh phục đỉnh Pu Si Lung (Bum Nưa) và du lịch sinh thái rừng nguyên sinh theo chuẩn an toàn và bảo tồn; đồng thời phát triển du lịch sinh thái – dược liệu dưới tán rừng gắn với Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Tè, kết hợp trải nghiệm văn hóa các tộc người rất ít người (La Hủ, Cống, Si La).

#### Về sản phẩm hỗ trợ:

- Du lịch suối khoáng nóng và trị liệu tại Mường Tè: phát triển điểm suối nước nóng Nậm Ngoa gắn với bản Pắc Ma như sản phẩm hỗ trợ cho cùm sinh thái – biên giới, giúp tăng tính quanh năm và mở rộng phân khúc khách nghỉ dưỡng.

- Du lịch cộng đồng ven hồ và trải nghiệm sản vật: xây dựng các điểm trải nghiệm ẩm thực, chợ địa phương, sản vật ven sông – ven hồ để tăng chi tiêu/khách và tạo sinh kế, đồng thời tạo “điểm dừng” trong chuỗi hành trình dài.

- Du lịch giáo dục môi trường và nghiên cứu: phát triển các chương trình tham quan học tập (field trip) về đa dạng sinh học, rừng, dược liệu và văn hóa tộc người, tổ chức theo chủ đề và quy mô phù hợp để giảm tác động.

### **3.2.3. Tầm nhìn đến 2050**

Đến năm 2050, không gian phát triển du lịch Lai Châu được định hướng theo mô hình đa cực – liên kết – chuyên biệt hóa, lấy 03 khu du lịch định hướng quốc gia làm - khung xương sống để tổ chức dòng khách, phân bổ đầu tư và nâng năng lực cạnh tranh dài hạn: (1) Ô Quy Hồ là cực cửa ngõ kết nối Sa Pa–Lào Cai, phát triển trung tâm du lịch sinh thái núi cao - mạo hiểm và dịch vụ cao cấp (golf–nghỉ dưỡng, quần thể danh thắng Hoàng Liên - Tiên Sơn, cầu kính/cổng trời) dựa trên lợi thế hạ tầng như hầm Hoàng Liên và các tuyến kết nối liên vùng; (2) Cao nguyên Sìn Hồ trở thành - thủ phủ nghỉ dưỡng khí hậu - wellness - dược liệu, hình thành đô thị nghỉ dưỡng vùng cao gắn hồ Hoàng Hồ, thác Nậm Lức và các sản phẩm chữa lành từ Sâm Lai Châu, vận hành theo nguyên tắc bảo tồn cảnh quan và hạn chế bê tông hóa; (3) Sìn Suối Hồ được nâng tầm thành mô hình du lịch cộng đồng chất lượng cao kết hợp chinh phục Kỳ Quan San/Bạch Mộc Lương Tử, vừa bảo tồn văn hóa dân tộc Mông và chợ phiên vùng cao vừa phát triển các tuyến trekking và sự kiện địa hình chuẩn hóa”.

Tiếp tục phát triển các khu du lịch, điểm có tiềm năng, lợi thế cho phát triển du lịch, thúc đẩy xây dựng các sản phẩm lịch mới phù hợp với nhu cầu thị yếu của du khách và sự phát triển của kinh tế xã hội; hình thành các tour, tuyến du lịch mới kết nối với các khu/điểm du lịch trên địa bàn tỉnh gắn với nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, đáp ứng được đa dạng thị trường khách du lịch. Theo đó, phát triển Pú Dao (xã Nậm Hắng) trở thành “kỳ quan Sông Đà” với quần thể nghỉ dưỡng sinh thái quy mô lớn kết hợp thể thao trên không (dù lượn đường trường), liên thông thủy–bộ với du lịch lòng hồ và các hạng mục biểu tượng tạo điểm nhấn; còn quần thể Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Tè (xã Tà Tổng và xã Mù Cạ) là cực sinh thái biên giới giá trị cao, ưu tiên bảo tồn nghiêm ngặt, phát triển trekking cực hạn Pu Si Lung, du lịch dược liệu dưới tán rừng (Sâm) và trải nghiệm văn hóa các tộc người rất ít người theo mô hình - tinh tuyển - trách nhiệm - giới hạn tác động”. Tạo điều kiện để phát triển các sản phẩm du lịch mới mà Lai

Châu có tiềm năng để phát triển như: Du lịch nghiên cứu địa chất gắn với lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống các hang động Tiên Sơn, Pu Sam Cap, Chín Chu Chải,...; du lịch về nguồn gắn với di sản văn hóa lịch sử với Địa điểm lưu niệm Vua Lê Thái Tổ là trung tâm; các sản phẩm du lịch mới khác theo sự phát triển của kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ và nhu cầu của thị trường.

### **3.3. Phương án bảo tồn văn hóa gắn với du lịch**

Phương án bảo tồn văn hóa giai đoạn 2025–2030 chuyển trọng tâm từ “lưu giữ” sang “bảo tồn chủ động và phát huy có kiểm soát”, coi di sản là nền tảng tạo khác biệt cho sản phẩm du lịch.

#### **3.3.1. Bảo tồn khẩn cấp và phát huy bản sắc 13 dân tộc, ưu tiên nhóm rất ít người**

Giai đoạn 2025–2030, tỉnh tập trung bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của 13 dân tộc cư trú thành cộng đồng, đặc biệt ưu tiên các dân tộc có quy mô dân số dưới 10.000 người nhằm giảm nguy cơ mai một và bảo đảm tính liên tục của “di sản sống” trong không gian cư trú. Trên nền tảng đã được tăng cường thông qua 39 bộ sưu tập hiện vật và 38 phim tư liệu, phương án điều chỉnh nhấn mạnh chuyển từ cách tiếp cận lưu giữ – trưng bày tĩnh sang bảo tồn chủ động gắn sinh kế và trải nghiệm, trong đó đẩy mạnh số hóa tư liệu, chuẩn hóa nội dung diễn giải và tái hiện không gian văn hóa bằng công nghệ để phục vụ trưng bày, giáo dục cộng đồng và phát triển du lịch. Theo hướng này, các cộng đồng được khuyến khích xây dựng mô hình “bảo tàng sống” tại chỗ, nơi du khách có thể trải nghiệm đời sống, ẩm thực, nghề thủ công và tập quán sinh hoạt một cách có kiểm soát; đồng thời hình thành các sản phẩm du lịch chuyên đề dựa trên văn hóa bản địa (như du lịch tín ngưỡng, du lịch thiền–chữa lành, du lịch tìm hiểu phong tục) hướng tới phân khúc khách chi trả cao. Việc biến di sản thành sản phẩm trải nghiệm thương mại được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng văn hóa gốc: bảo tồn nguyên trạng không gian tín ngưỡng của cộng đồng, chỉ tổ chức các hoạt động trải nghiệm, biểu diễn và dịch vụ du lịch theo mô hình chuyên nghiệp, có thu phí và tách biệt rõ với không gian thực hành tín ngưỡng dân gian, qua đó vừa bảo vệ tính thiêng và tính xác thực, vừa tạo nguồn lực tài chính tái đầu tư cho bảo tồn và nâng sinh kế cộng đồng.

Cùng với với bảo tồn văn hóa, phương án nhấn mạnh tổ chức không gian du lịch theo không gian trải nghiệm thay vì ranh giới hành chính, đặc biệt đối với các tài nguyên ruộng bậc thang, đỉnh núi cao và các tuyến trekking. Mục tiêu là hình

thành các hành lang du lịch mạo hiểm – sinh thái có quy hoạch phân khu chức năng rõ ràng, phát triển Lai Châu thành trung tâm trekking và leo núi của Việt Nam, trong đó văn hóa bản địa (người dẫn đường, dịch vụ homestay, tri thức địa phương và bản sắc Mông/Dao/Thái...) trở thành yếu tố gia tăng giá trị cốt lõi cho cảnh quan thiên nhiên. Đồng thời, tỉnh định hướng nâng cấp có chọn lọc một chợ phiên truyền thống (ví dụ Sì Lở Lầu hoặc Đào San) thành tổ hợp thương mại – văn hóa – du lịch cấp vùng, vừa là không gian giao thương vừa là không gian trình diễn văn hóa và tiêu thụ sản phẩm OCOP, nông sản đặc hữu; gắn kết trực tiếp với tour tuyến lữ hành nhằm tối ưu hóa nguồn thu và mở rộng kênh phân phối cho cộng đồng.

### **3.3.2. Bảo tồn di sản phi vật thể và nâng cấp hồ sơ di sản quốc gia**

Giai đoạn 2025–2030 xác định bảo tồn và phát huy di sản phi vật thể là trụ cột để xây dựng năng lực cạnh tranh và định vị thương hiệu điểm đến; trong đó các di sản UNESCO (Nghệ thuật Xòe Thái, Thực hành Then) được coi là trụ cột nhận diện của hệ sản phẩm văn hóa – lễ hội – trình diễn, đồng thời là hạt nhân để thiết kế các chương trình trải nghiệm có chiều sâu. Cùng với việc bảo tồn, truyền dạy liên thế hệ và phục hồi không gian thực hành, tỉnh tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hồ sơ cho các di sản phi vật thể cấp quốc gia và nhóm di sản ưu tiên (như Lễ Tủ Cải, Lễ hội Gầu Tào, nghề dệt thổ cẩm...), qua đó mở rộng danh mục tài sản văn hóa có thể chuyển hóa thành sản phẩm du lịch chuyên đề và sản phẩm công nghiệp văn hóa.

Điểm mới trong phương án là tăng cường cơ chế sản phẩm hóa di sản theo nguyên tắc tách bạch không gian, đảm bảo tính xác thực và quyền chủ thể văn hóa. Hằng năm, tỉnh lựa chọn các thực hành văn hóa tiêu biểu để chuẩn hóa thành sản phẩm du lịch; đồng thời giữ nguyên trạng không gian tín ngưỡng và nghi lễ cộng đồng, tránh thương mại hóa thô và xâm lấn không gian thiêng. Đối với các giá trị nghệ thuật (múa, âm nhạc, trích đoạn nghi lễ), phương án định hướng nghiên cứu sân khấu hóa có chọn lọc để xây dựng các chương trình biểu diễn nghệ thuật thực cảnh tại các khu/điểm du lịch trọng điểm, tổ chức chuyên nghiệp, có thu phí, có quy chuẩn nội dung và bản quyền, tách biệt rõ với thực hành tín ngưỡng dân gian. Cách tiếp cận này vừa tạo sản phẩm giải trí – văn hóa chất lượng cao phục vụ khách, vừa bảo đảm nguyên tắc bảo tồn gốc và duy trì tính thiêng của di sản.

Để tạo động lực thị trường và tăng tính quanh năm, phương án đồng thời định hướng xây dựng 01–02 sự kiện văn hóa – thể thao thường niên quy mô quốc

gia/quốc tế (ví dụ marathon đường mòn xuyên rừng, lễ hội dù lượn trên ruộng bậc thang, ngày hội văn hóa các dân tộc Mông/Thái), với yêu cầu cao về khả năng tự chủ tài chính thông qua xã hội hóa, tài trợ và bản quyền truyền thông, giảm dần phụ thuộc ngân sách nhà nước. Trên nền tảng đó, tỉnh kiến tạo hệ sinh thái đầu tư theo mô hình doanh nghiệp dẫn dắt – cộng đồng hưởng lợi, trong đó thu hút các dự án quy mô lớn (resort, sân golf, khách sạn chất lượng cao) làm đầu tàu mở thị trường; đồng thời kết nối các dự án này với mạng lưới du lịch cộng đồng vệ tinh để cộng đồng (với tư cách chủ thể) cung cấp dịch vụ trải nghiệm văn hóa, lưu trú homestay và nhân lực bản địa, còn doanh nghiệp đảm nhận phát triển thị trường, chuẩn hóa chất lượng và phân phối sản phẩm. Cơ chế này nhằm bảo đảm người dân có sinh kế bền vững từ chính văn hóa của mình, đồng thời tạo nguồn lực dài hạn cho bảo tồn và nâng cấp chất lượng sản phẩm du lịch văn hóa của tỉnh.

### **3.3.3. Phát triển mô hình “Bảo tàng sống” thông qua mạng lưới bản du lịch cộng đồng**

Lai Châu phát triển hệ thống bản du lịch cộng đồng theo mô hình “bảo tàng sống”, trong đó du khách trải nghiệm trực tiếp đời sống, ẩm thực, nghề thủ công, tri thức bản địa và nghi lễ/lễ hội theo chuẩn mực du lịch có trách nhiệm. Mục tiêu đến 2030 hình thành trên 15 điểm bản du lịch cộng đồng, trong đó Sin Suối Hồ tiếp tục là điểm nhấn điển hình về quản trị cộng đồng, chất lượng dịch vụ và thương hiệu. Đi kèm là chuẩn hóa tiêu chuẩn homestay, vệ sinh môi trường, an toàn, kỹ năng phục vụ và năng lực kể chuyện – diễn giải văn hóa.

### **3.4. Điều chỉnh và bổ sung trọng điểm giai đoạn 2025–2030**

Trên cơ sở rà soát thực tiễn và yêu cầu nâng chất lượng quy hoạch, phương án điều chỉnh tập trung vào bố nhóm can thiệp:

Thứ nhất, điều chỉnh quan trọng là đột phá về chiến lược sân golf theo hướng chuyển từ định hướng chung sang hình thành các tổ hợp dịch vụ – thể thao – nghỉ dưỡng quy mô lớn. Đã xác định cụ thể vị trí và quy mô quỹ đất cho 03 tổ hợp, gồm: tại phường Đoàn Kết, xã Tân Uyên và xã Bình Lư. Việc lượng hóa quy mô ở mức 100–200 ha cho thấy định hướng phát triển dòng sản phẩm cao cấp, tăng thời gian lưu trú và nâng mức chi tiêu/khách, đồng thời tạo “động lực kinh tế” cho vùng phát triển trọng điểm dọc trục QL32 – QL4D theo logic không gian đã nêu trong quy hoạch tỉnh.

Thứ hai, danh mục dự án đã tinh gọn và xác định lại trọng tâm phát triển khu du lịch quốc gia theo nguyên tắc ưu tiên khả năng hiện thực hóa. QĐ 1585 định hướng hình thành 05 khu/điểm du lịch cấp quốc gia. Trong khi đó, Điều chỉnh quy hoạch tập trung ưu tiên trước hết vào 02 khu vực có lợi thế kết nối và tiềm năng thu hút đầu tư rõ ràng hơn để định hướng phát triển thành khu du lịch quốc gia, gồm: Khu du lịch sinh thái Ô Quy Hồ và Khu du lịch sinh thái Cao nguyên Sìn Hồ. Đối với cụm Mường Tè, mặc dù QĐ 1585 vẫn xác định đây là cụm trọng điểm, nhưng điều chỉnh quy hoạch xác định Mường Tè được xếp trong nhóm khu du lịch cấp tỉnh, đồng thời có ghi chú định hướng sẽ trở thành một bộ phận của quần thể cấp quốc gia trong tương lai. Đây là điều chỉnh mang tính thực tiễn, nhằm tránh dàn trải nguồn lực và ưu tiên đầu tư trước cho các khu vực có điều kiện hạ tầng thuận lợi hơn.

Thứ ba, điều chỉnh quy hoạch thể hiện xu hướng nâng cấp quy mô đối với các dự án cấp tỉnh thông qua việc sắp xếp lại 27 khu du lịch cấp tỉnh tại QĐ 1585 thành 3 cụm và 16 điểm du lịch. Việc sắp xếp này phù hợp với những điều chỉnh địa giới theo chính quyền địa phương 2 cấp, đồng thời phù hợp với thực tiễn ưu tiên đầu tư của tỉnh.

Thứ tư, điều chỉnh quy hoạch đã cụ thể hóa sản phẩm và bố trí dự án theo cấu trúc “trục và vùng” kinh tế, bám sát định hướng không gian “một trục – hai vùng” theo định hướng phát triển của tỉnh. Tại vùng kinh tế động lực dọc QL32 – QL4D, quy hoạch xác định hướng phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm và dịch vụ; cụ thể hóa bằng tổ hợp sân golf; các dự án chinh phục đỉnh cao (Pu Ta Leng, Bạch Mộc Lương Tử) và chuỗi nghỉ dưỡng khoáng nóng (Tân Uyên). Trong khi đó, tại vùng kinh tế sinh thái sông Đà, cụ thể hóa bằng chuỗi dự án du lịch lòng hồ (Bản Chát, Huổi Quảng, lòng hồ Lai Châu, Pú Dao) và các dự án sinh thái – bảo tồn tại Mường Tè gắn với trekking Pu Si Lung và được liệt kê dưới tán rừng.

### **3.5. Phương án đầu tư hạ tầng – thiết chế văn hóa phục vụ bảo tồn và phát triển du lịch**

Để nâng năng lực bảo tồn và chất lượng trải nghiệm, tỉnh định hướng đầu tư các thiết chế văn hóa quy mô cấp tỉnh theo hướng vừa phục vụ cộng đồng, vừa là hạ tầng du lịch:

- Xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh (tại phường Tân Phong) như hạ tầng nền cho tổ chức sự kiện, trình diễn, trưng bày và giáo dục di sản.

- Xây dựng Bảo tàng Sâm Lai Châu tại Sìn Hồ như “điểm neo” cho cụm du lịch Sìn Hồ, hỗ trợ phát triển sản phẩm dược liệu – wellness và kể chuyện thương hiệu địa phương.

## **PHẦN V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA BẢN SẮC VÀ DU LỊCH ĐẶC THÙ TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Giải pháp về cơ chế, chính sách và thu hút đầu tư**

Tập trung hoàn thiện khung thể chế để tạo “hành lang” và nguồn lực cho phát triển du lịch – văn hóa theo hướng bền vững. Trước hết, nghiên cứu và ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh và thu hút nhà đầu tư chiến lược vào các khu vực động lực, đặc biệt các khu/điểm có tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia và các tổ hợp dịch vụ chất lượng cao (nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, thể thao mạo hiểm, du lịch cộng đồng). Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa và huy động đa dạng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, ODA và các nguồn hợp pháp khác) để đầu tư hạ tầng du lịch và thiết chế văn hóa; trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt ưu tiên cho các dự án quy mô lớn, có tính kết nối, tạo động lực phát triển nhưng khó huy động xã hội hóa (hạ tầng giao thông, hạ tầng dùng chung tại khu/điểm du lịch, hệ thống thiết chế văn hóa). Cùng với đó, tăng cường cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục, minh bạch quy trình đầu tư, nâng chất lượng dịch vụ công để cải thiện môi trường kinh doanh; ưu tiên lựa chọn dự án đầu tư xanh, có giá trị gia tăng cao và cam kết rõ về bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, chia sẻ lợi ích với cộng đồng.

### **2. Giải pháp về phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất**

Xác định hạ tầng là khâu đột phá để “phá thế độc đạo”, mở rộng khả năng tiếp cận và tăng năng lực phân phối khách theo không gian – mùa vụ. Tập trung nguồn lực triển khai các dự án giao thông chiến lược, gồm các tuyến kết nối liên vùng và nội vùng như cao tốc Bảo Hà – Lai Châu, các hầm đường bộ qua những vị trí đèo dốc quan trọng (Hoàng Liên/Ô Quy Hồ, Khau Co), và hoàn thiện các trục dọc theo Quốc lộ 32, 4D, 12, 279 để kết nối hiệu quả với cao tốc Nội Bài – Lào Cai và cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng; đồng thời nghiên cứu và thu hút đầu tư cảng hàng không Lai Châu tại Tân Uyên theo lộ trình phù hợp. Trên nền hạ tầng khung, ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch thiết yếu tại các khu/điểm du lịch trọng điểm (Ô Quy Hồ, Cao nguyên Sin Hồ, quần thể hang động Pu Sam Cáp, các bản du lịch cộng đồng...), theo nguyên tắc hạ tầng tối thiểu – an toàn – thân thiện môi trường (bãi đỗ xe, nhà vệ sinh đạt chuẩn, biển chỉ dẫn, điểm dừng chân, hệ thống thu gom rác thải, cấp nước sạch). Đồng thời, đầu tư và nâng cấp thiết chế văn hóa: các công trình cấp tỉnh (Bảo tàng, Trung tâm văn hóa nghệ thuật, Thư viện) và hệ thống nhà

văn hóa – thể thao cấp cơ sở, nhằm vừa phục vụ đời sống văn hóa cộng đồng, vừa tạo “hạ tầng mềm” cho tổ chức sự kiện, trình diễn, trưng bày và diễn giải di sản phục vụ du lịch.

### **3. Giải pháp về phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn văn hóa**

Triển khai chiến lược “lấy bản sắc văn hóa làm nền tảng và động lực” thông qua chuẩn hóa và chuyên biệt hóa sản phẩm theo cụm không gian. Đối với du lịch cộng đồng, lựa chọn và đầu tư theo mô hình điểm–cụm, xây dựng các bản điển hình (Sin Suối Hồ, Sìn Thâu Chải, Lao Chải 1...) với bộ tiêu chuẩn chất lượng thống nhất về lưu trú, vệ sinh, an toàn, trải nghiệm và quản trị cộng đồng; phấn đấu đến 2030 hình thành trên 15 điểm bản du lịch cộng đồng, gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích và bảo vệ tính xác thực văn hóa. Đối với du lịch thể thao mạo hiểm, phát triển trekking/leo núi, dù lượn... gắn với các đỉnh núi cao (Pu Ta Leng, Bạch Mộc Lương Tử, Pu Si Lung, Tả Liên Sơn) theo hướng chuyên nghiệp hóa: chuẩn hóa tuyến – điểm, phân hạng độ khó, quy trình vận hành an toàn và liên kết với sự kiện thể thao - du lịch để nâng nhận diện thương hiệu. Đối với du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng, tổ chức sản phẩm gắn được liệu (Sâm Lai Châu), tắm thuốc, khí hậu núi cao Sìn Hồ và cảnh quan lòng hồ thủy điện, phát triển dịch vụ wellness theo hướng bản địa hóa nhưng đạt chuẩn chất lượng. Song hành với phát triển sản phẩm là chương trình bảo tồn và phát huy giá trị của di sản, truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; bảo tồn văn hóa của 13 dân tộc cư trú thành cộng đồng, phục dựng - duy trì lễ hội truyền thống, xây dựng hồ sơ di sản phi vật thể quốc gia (Lễ Tủ Cải, Gầu Tào, nghề dệt thổ cẩm...), cùng bộ quy tắc khai thác du lịch nhằm hạn chế thương mại hóa thô, bảo đảm quyền chủ thể văn hóa và cơ chế hưởng lợi của nghệ nhân - cộng đồng. Đồng thời, phát triển kinh tế biên mậu gắn du lịch tại Ma Lù Thàng theo hướng hình thành dịch vụ logistics – mua sắm – tham quan, tạo sản phẩm “biên giới – thương mại – trải nghiệm” phù hợp quy định quản lý biên giới và an ninh du lịch.

### **4. Giải pháp về nguồn nhân lực và chuyển đổi số**

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là điều kiện để - chuyển hóa tiềm năng thành sản phẩm. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ công chức viên, viên chức thực hiện nhiệm vụ tham mưu thực hiện nhiệm vụ về văn hóa, thể thao, du lịch từ tỉnh đến cơ sở để nâng cao hiệu quả công tác tham mưu quản lý nhà nước trên lĩnh vực này tại địa bàn tỉnh; chú trọng kỹ năng, kiến thức phục vụ khách du lịch phù hợp với từng loại hình sản

phẩm gắn với từng địa bàn cụ thể, đặc biệt người dân tộc thiểu số: nghiệp vụ homestay, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, tìm kiếm cứu nạn, kỹ năng đón tiếp, kể chuyện – diễn giải văn hóa, ngoại ngữ giao tiếp và kỹ năng quản trị vận hành. Đồng thời, xây dựng chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao và chuyên gia trong các lĩnh vực quản trị điểm đến, văn hóa, bảo tồn, thể thao mạo hiểm, marketing số.

Về chuyển đổi số: Xác định du lịch là lĩnh vực ưu tiên, số hóa tài nguyên du lịch và di sản (cơ sở dữ liệu, bảo tàng số, bản đồ số tuyến điểm, trải nghiệm VR/AR), phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, nền tảng số phục vụ quảng bá, đặt dịch vụ, quản lý du khách và theo dõi sức chứa, đảm bảo an toàn thông tin, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân và du khách trên môi trường mạng; tăng cường năng lực truyền thông số, thương mại điện tử du lịch và phân tích dữ liệu để tối ưu xúc tiến thị trường.

## **5. Giải pháp về liên kết, hợp tác và xúc tiến quảng bá**

Tăng cường liên kết vùng để mở rộng thị trường và hình thành chuỗi sản phẩm liên hoàn. Trọng tâm là liên kết với các tỉnh trong vùng Tây Bắc mở rộng và các thị trường nguồn lớn (Hà Nội, TP.HCM) để xây dựng tour tuyến liên vùng, chuẩn hóa chương trình kích cầu và phối hợp xúc tiến chung; liên kết hợp tác với các tỉnh trong vùng Tây Bắc xây dựng sản phẩm du lịch chung mang thương hiệu, mang bản sắc riêng có của vùng như: "Hành trình di sản Tây Bắc", "Festival Tinh hoa Tây Bắc",...nhằm phát huy giá trị di sản và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thúc đẩy phát triển du lịch; đồng thời, tăng cường phối hợp với Sa Pa (Lào Cai) nhằm hỗ trợ lẫn nhau về sản phẩm và phân phối khách theo hành lang Hoàng Liên Sơn - Ô Quy Hồ. Về hợp tác quốc tế, mở rộng hợp tác với Vân Nam (Trung Quốc) và các tỉnh Bắc Lào, thúc đẩy du lịch biên giới và du lịch qua cửa khẩu Ma Lù Thàng theo nguyên tắc an toàn, tuân thủ quy định và quản trị rủi ro. Công tác xúc tiến được đổi mới theo hướng lấy nền tảng số làm chủ đạo: truyền thông theo câu chuyện thương hiệu "núi cao – bản sắc – xanh", phát triển nội dung đa ngôn ngữ, kết hợp tổ chức các sự kiện văn hóa – thể thao quy mô (marathon, ngày hội văn hóa dân tộc...) để tăng nhận diện, kéo dài mùa du lịch và thu hút phân khúc khách mục tiêu.

## **6. Giải pháp về bảo vệ tài nguyên và môi trường**

Quản triệt nguyên tắc phát triển bền vững: không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng. Kiểm soát chặt chẽ chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang du lịch;

bảo vệ nghiêm ngặt hệ sinh thái tại các vườn quốc gia/khu bảo tồn; lồng ghép đánh giá tác động môi trường và tiêu chí xanh ngay từ khâu lựa chọn dự án đầu tư. Khuyến khích mô hình du lịch xanh: sử dụng năng lượng tái tạo, giảm rác thải nhựa, kinh tế tuần hoàn tại điểm đến; thiết lập cơ chế quản lý rác thải – nước thải tại khu/điểm du lịch và bản cộng đồng. Đồng thời, triển khai quản lý sức chứa đối với các điểm nhạy cảm (tuyến trekking, điểm săn mây, hang động, bản du lịch cộng đồng) nhằm bảo đảm không phá vỡ cảnh quan, duy trì chất lượng trải nghiệm và bảo vệ hệ sinh thái, qua đó tạo nền tảng cho phát triển du lịch Lai Châu bền vững đến năm 2030.

## PHẦN VI. ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, nhận diện tiềm năng đặc thù và định hướng chiến lược phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn 2050, nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và nâng cao tính khả thi trong triển khai, báo cáo đề xuất, kiến nghị theo hai hướng tích hợp: (i) tích hợp, cập nhật trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lai Châu giai đoạn 2025 - 2030 thông qua nội dung điều chỉnh phương án du lịch; và (ii) tích hợp các nội dung phù hợp vào các quy hoạch ngành quốc gia/ liên quan làm cơ sở pháp lý cho bố trí chỉ tiêu đất đai, không gian rừng – mặt nước và triển khai dự án.

### 1. Đề xuất tích hợp, cập nhật trong Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lai Châu

Đề nghị cho phép cập nhật và cụ thể hóa một số nội dung trong phương án phát triển du lịch của Quy hoạch tỉnh theo hướng “cụ thể hóa – nâng tầm quy mô – tập trung trọng điểm”, làm cơ sở tổ chức thực hiện và huy động nguồn lực:

- Tổ chức lại không gian phát triển du lịch theo cụm/tuyến và cực động lực
  - Cập nhật cách tổ chức không gian theo “không gian trải nghiệm” thay cho phân chia cứng theo địa giới hành chính, bảo đảm phù hợp bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính và yêu cầu điều phối liên địa bàn.
  - Làm rõ vai trò 02 khu du lịch quốc gia (tiềm năng) Ô Quy Hồ và Cao nguyên Sìn Hồ là các cực tăng trưởng; đồng thời xác định 03 cụm du lịch và các điểm du lịch cấp tỉnh đóng vai trò hạt nhân – vệ tinh, tạo chuỗi trải nghiệm liên hoàn.
- Cụ thể hóa hệ sản phẩm du lịch mũi nhọn và “sản phẩm mỏ neo” quy mô lớn
  - Cập nhật định hướng phát triển các sản phẩm chủ lực gắn lợi thế cạnh tranh của tỉnh (núi cao–mạo hiểm có kiểm soát; sinh thái–nghỉ dưỡng; wellness/khoáng nóng–dược liệu; văn hóa–cộng đồng; lòng hồ–sông Đà; cửa khẩu–biên mậu).
  - Bổ sung/chuẩn hóa danh mục các dự án mỏ neo quy mô lớn, có khả năng giữ chân khách và tăng chi tiêu/khách, như quần thể danh thắng – sinh thái Hoàng Liên–Tiên Sơn, tổ hợp nghỉ dưỡng–thể thao (golf), tổ hợp vui chơi–nghỉ dưỡng, các quần thể sinh thái lòng hồ, và các điểm/chuỗi khoáng nóng–wellness.

- Cập nhật danh mục dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2025–2030 và tiêu chí lựa chọn dự án

- Tích hợp danh mục dự án ưu tiên theo mức độ khả thi (quỹ đất, kết nối hạ tầng, khả năng thu hút nhà đầu tư, tác động lan tỏa, phù hợp tiêu chí xanh).

- Loại bỏ/điều chỉnh các dự án không đủ điều kiện hoặc trùng lặp; bổ sung các dự án có tính khả thi cao, tạo động lực mới cho thị trường.

- Tích hợp yêu cầu bảo tồn văn hóa – bảo vệ môi trường vào phương án du lịch

- Cập nhật các nguyên tắc quản lý sức chứa, kiểm soát tác động môi trường tại các điểm nhạy cảm; lồng ghép bảo tồn di sản vật thể/phi vật thể và cơ chế chia sẻ lợi ích cộng đồng vào thiết kế sản phẩm du lịch cộng đồng và du lịch văn hóa.

- Xác định ưu tiên số hóa di sản và phát triển các thiết chế văn hóa phục vụ diễn giải, trưng bày và sự kiện.

## **2. Đề xuất tích hợp các nội dung phù hợp vào Quy hoạch hệ thống du lịch và các quy hoạch ngành quốc gia liên quan**

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành Trung ương xem xét cập nhật các nội dung có tính liên ngành, liên vùng và liên quan chỉ tiêu sử dụng đất/không gian rừng–mặt nước của tỉnh Lai Châu vào các quy hoạch ngành quốc gia, làm căn cứ pháp lý cho triển khai dự án và huy động nguồn lực đầu tư.

- Tích hợp vào Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn 2045 (QĐ 509/QĐ-TTg)

- Ghi nhận, làm rõ định vị và chức năng của 02 địa điểm tiềm năng KDLQG tại Lai Châu (Ô Quy Hồ, Cao nguyên Sìn Hồ) theo hướng phân vai sản phẩm: Ô Quy Hồ là cửa ngõ liên vùng và trung tâm trải nghiệm núi cao – dịch vụ cao cấp; Sìn Hồ là trung tâm nghỉ dưỡng khí hậu – wellness – dược liệu.

- Cập nhật tầm nhìn sau 2030 (đến 2050) về khả năng nâng cấp một số khu vực có tiềm năng đặc biệt (Sin Suối Hồ, Pú Dao, Mường Tè) theo hướng ghi nhận như các không gian chiến lược dự bị cho phát triển cấp quốc gia trong tương lai, nhằm tạo cơ sở chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị quỹ đất và hạ tầng kết nối.

- Tích hợp vào Quy hoạch sử dụng đất quốc gia và các quy hoạch ngành liên quan đến tài nguyên (rừng, mặt nước)

- Cập nhật nhu cầu sử dụng đất du lịch cho các tổ hợp và quần thể quy mô lớn (golf – nghỉ dưỡng – vui chơi giải trí; quần thể sinh thái – danh thắng; chuỗi khoáng nóng – wellness; du lịch lòng hồ...) để làm căn cứ phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất, triển khai thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Xem xét lồng ghép yêu cầu sử dụng không gian rừng và mặt nước cho phát triển du lịch sinh thái, du lịch dưới tán rừng, du lịch lòng hồ theo nguyên tắc bảo tồn, có kiểm soát tác động và phù hợp quy định pháp luật.

- Tích hợp vào Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia

- Đề nghị xem xét ghi nhận một số thiết chế văn hóa – du lịch đặc thù có vai trò điểm neo cho chuỗi sản phẩm (ví dụ Bảo tàng Sâm Lai Châu tại Sìn Hồ) vào mạng lưới thiết chế văn hóa cấp vùng/quốc gia, phục vụ nhiệm vụ bảo tồn – trưng bày – diễn giải di sản và nâng chất lượng trải nghiệm du lịch wellness – dược liệu.

**PHỤ LỤC 1.**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021**  
**- 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>TT</b>	<b>Phương án phát triển</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Khu du lịch quốc gia</b>		
1	Khu du lịch Ô Quy Hồ	Các xã: Bình Lư, Tả Lèng	
2	Khu du lịch Cao nguyên Sìn Hồ	Các xã: Sìn Hồ, Hồng Thu, Tủa Sín Chải	
<b>II</b>	<b>Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn</b>		
1	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn (thuộc quần thể khu du lịch hang động Pu Sam Cáp)	Phường Đoàn Kết	
2	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn Bình Lư	Xã Bình Lư	
3	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn Tân Uyên	Xã Tân Uyên	
4	Tổ hợp du lịch sinh thái và sân gôn phường Tân Phong	Phường Tân Phong	Bổ sung mới
<b>II</b>	<b>Khu, điểm, tổ hợp du lịch cấp tỉnh</b>		

<b>TT</b>	<b>Phương án phát triển</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị sinh thái Pu Sam Cáp	Phường Đoàn Kết	
2	Quần thể du lịch núi Pu Sam Cáp	Phường Đoàn Kết	
3	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ thương mại Vườn Địa Đàng	Xã Bình Lư	
4	Quần thể du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dưới tán rừng	Xã Tả Lềng	
5	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng Sâm Lai Châu	Xã Khun Há	
6	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng phức hợp Bình Lư (quảng trường tình yêu, cung đường thập lý đào hoa và các khu nghỉ dưỡng cấp cao mang đặc trưng văn hóa 20 dân tộc trên địa bàn tỉnh,...)	Xã Bình Lư	
7	Quần thể khu du lịch chinh phục đỉnh Pu Ta Leng (cung đường trekking dưới tán rừng, cáp treo, cầu kính vách núi,...)	Xã Tả Lềng	
8	Khu du lịch sinh thái gắn với bản văn hóa cộng đồng tại xã Khun Há	Xã Khun Há	
9	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, văn hóa gắn với suối nước nóng Phiêng Phát	Xã Tân Uyên	
10	Quần thể Du lịch sinh thái gắn với suối nước	Xã Tân Uyên	

<b>TT</b>	<b>Phương án phát triển</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Ghi chú</b>
	nóng Nà Hoi		
11	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, văn hoá Pắc Ta	Xã Pắc Ta	
12	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng tắm nước nóng Mường Khoa	Xã Mường Khoa	
13	Quần thể Khu du lịch sinh thái vùng chè gắn với suối khoáng nóng Trung Đông	Xã Tân Uyên	
14	Tổ hợp du lịch cộng đồng bảo tồn văn hóa dân tộc Mông, bảo tồn chè cổ thụ và nuôi cá nước lạnh bản Hô Tra	Xã Mường Khoa	
15	Tổ hợp các dự án thương mại, dịch vụ và khách sạn	Xã Tân Uyên	
16	Khu du lịch lòng hồ thủy điện Huổi Quảng gắn với quần thể hang động Bản Mè	Xã Khoen On	
17	Khu du lịch lòng hồ thủy điện Bản Chát	Xã Mường Kim	
18	Tổ hợp du lịch đèo Khau Co	Xã Mường Than	
19	Quần thể du lịch cộng đồng Tà Mung	Xã Mường Kim	
20	Tổ hợp khu dịch vụ, giải trí Khu kinh tế Cửa khẩu Ma Lù Thàng	Xã Phong Thổ	

<b>TT</b>	<b>Phương án phát triển</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Ghi chú</b>
21	Quần thể khu bảo tồn thiên nhiên Mường Tè	Các xã: Tả Tổng, Mù Cả	
22	Quần thể du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Lai Châu	Xã Mường Mô	
23	Quần thể du lịch sinh thái Pú Đao kết hợp du lịch lòng hồ thủy điện	Xã Lê Lợi	
24	Tổ hợp Du lịch sinh thái đỉnh đỉnh Pu Si Lung	Xã Bum Nưa	
25	Tổ hợp du lịch suối nước nóng Nậm Ngoa (Pắc Ma).	Xã Mường Tè	
26	Quần thể du lịch sâm Lai Châu	Xã Bum Nưa	
27	Quần thể công viên hoa hồng	Xã Tả Lèng	
28	Quần thể du lịch sinh thái Sin Suối Hồ gắn với đỉnh Bạch Mộc Lương Tử, Sơn Bạc Mây	Xã Sin Suối Hồ	Bổ sung mới
29	Quần thể Du lịch hang động Gia Khâu	Phường Đoàn Kết	Bổ sung mới
30	Quần thể Du lịch sinh thái thác Nậm Lúc	Xã Sìn Hồ	Bổ sung mới
31	Quần thể du lịch sinh thái gắn với ruộng bậc thang Tả Lèng	Xã Tả Lèng	Bổ sung mới
32	Du lịch Thác Rêu	Xã Hồng Thu	Bổ sung mới

<b>TT</b>	<b>Phương án phát triển</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Ghi chú</b>
33	Quần thể Du lịch gắn với động Chín Chu Chải (Sáy San 4)	Phường Tân Phong	Bổ sung mới
34	Du lịch đồi truyền hình xã Than Uyên	Xã Than Uyên	Bổ sung mới
35	Quần thể du lịch sinh thái Đào San gắn với ruộng bậc thang Đào San	Xã Đào San	Bổ sung mới
36	Quần thể du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Sơn La	Xã Nậm Tăm	Bổ sung mới
37	Quần thể du lịch sinh thái ruộng bậc thang Thu Lũm	Xã Thu Lũm	Bổ sung mới
38	Du lịch tâm linh hòn đá trắng	Xã Thu Lũm	Bổ sung mới
39	Khu du lịch sinh thái vùng chè gắn với bản sắc văn hóa cọn nước Nà Khương, Phiêng Tiên	Xã Bản Bo	Phát triển mở rộng điểm du lịch Nà Khương (đã được công nhận điểm du lịch năm 2017) thành Khu du lịch
40	Khu du lịch sinh thái, khám phá mạo hiểm tại đỉnh Pờ Ma Lung	Xã Khổng Lào	Bổ sung mới
41	Khu du lịch sinh thái Đồi tình yêu	Xã Khổng Lào	Bổ sung mới

TT	Phương án phát triển	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
42	Điểm du lịch tắm suối khoáng nóng Nậm Sào	Xã Pa Tần	Bổ sung mới
43	Khu du lịch Thác Nà khẳm	Xã Than Uyên	Bổ sung mới
44	Khu du lịch văn hóa tín ngưỡng xã Lê Lợi (Khu lưu niệm vua Lê Thái Tổ; dinh thự Đèo Văn Long, nghĩa trang liệt sỹ...)	Xã Lê Lợi	Bổ sung mới

**Ghi chú:**

- Tên công trình, dự án được tạm thời xác định tại thời điểm lập quy hoạch; tên cụ thể, chính xác sẽ được xác định trong quá trình lập, phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích sử dụng đất và điều kiện thành lập trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư./.

**PHỤ LỤC 2.**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC DI TÍCH TỈNH LAI CHÂU**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Diện tích dự kiến (ha)</b>
<b>A</b>	<b>Di tích đã xếp hạng</b>		
<b>I</b>	<b>Di tích xếp hạng cấp quốc gia</b>		
1	Hang Tiên Sơn	Xã Bình Lư	32
2	Thác Cầu Mây và Cổng Trời thuộc khu vực đèo Hoàng Liên	Xã Bình Lư	60,1
3	Pu Sam Cáp	Phường Đoàn Kết	720,7
4	Nậm Tun	Xã Phong Thổ	18,84
5	Địa điểm lưu niệm Vua Lê Thái Tổ	Xã Lê Lợi	166,5
<b>II</b>	<b>Di tích xếp hạng cấp tỉnh</b>		
1	Dinh thự Đèo Văn Long	Xã Lê Lợi	5,8
2	Đền thờ Nàng Han	Xã Phong Thổ, xã Khổng Lào	2,67
3	Núi Đá Ô	Xã Sìn Hồ	0,3
4	Hang Thẩm Tạo	Xã Phong Thổ	10,27
5	Thác Tác Tình	Xã Bình Lư	47,56
6	Hang Kháng chiến Nà Củng	Xã Phong Thổ	16
7	Đồn Mường Tè	Xã Mường Tè	2,56
8	Căn cứ hoạt động của Ban Cán sự	Xã Mường Kim	4

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Diện tích dự kiến (ha)</b>
	Đảng tỉnh Lai Châu, nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Lai Châu		
9	Đồn Mường So	Xã Phong Thổ	2,84
10	Hệ thống hang động Gia Khâu	Phường Đoàn Kết	29,13
11	Quần thể danh lam thắng cảnh Phiêng Phát	Xã Tân Uyên	9,1
12	Khu du lịch sinh thái Đào San	Xã Đào San	
13	Đồn Mường Bum	Xã Bum Tở	1
14	Thảm Đán Chẽ	Xã Mường Kim	23,3
15	Nơi giam giữ Cố Luật sư - Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ	Xã Mường Tè	0,58
16	Động Quan Âm	Xã Sìn Hồ	3,47
17	Hang Đông Pao	Xã Khun Há	113,2
18	Quần thể hang động Bản Mè	Xã Khoen On	31,43
19	Thác Trái Tim	Xã Sìn Suối Hồ	45
20	Khu Đồn Pháp	Xã Mường Than	22,94
21	Động Thảm Luông	Xã Hồng Thu	31,2
22	Động Bản Giang	Phường Tân Phong, xã Tả Lèng	48,5
23	Hang Tà Mung	Xã Mường Kim	1,02

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Diện tích dự kiến (ha)</b>
24	Hang Huổi Hiêm	Xã Hua Bum	3,49
25	Đường đá cở Pavi	Xã Sin Suối Hồ	57,6
26	Khu bảo tồn chè cở thụ trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Các xã: Sì Lở Lầu, Tả Lèng và Sìn Hồ	168,83
27	Đỉnh Pu Ta Leng	Xã Tả Lèng	16,7
<b>B</b>	<b>Di tích đề nghị xếp hạng mới</b>		
<b>I</b>	<b>Di tích đề nghị xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt</b>		
	Địa điểm lưu niệm Vua Lê Thái Tổ	Xã Lê Lợi	166,5
<b>II</b>	<b>Di tích đề nghị xếp hạng di tích quốc gia</b>		
	Đường đá cở Pavi	Xã Sin Suối Hồ	57,6
<b>III</b>	<b>Di tích đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh</b>		
	Đến 2030 dự kiến xếp hạng 05 di tích cấp tỉnh	Trên địa bàn tỉnh	

**Ghi chú:**

*Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.*

**PHỤ LỤC 3.**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC THIẾT CHẾ THỂ VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Diện tích dự kiến (ha)</b>
1	Bảo tàng, thư viện tỉnh	Phường Tân Phong	2,5 - 3
2	Trung tâm Văn hoá nghệ thuật đa năng cấp tỉnh	Các phường	3 - 5
3	Bảo tàng Sâm Lai Châu	Xã Sin Hồ	5
4	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Lai Châu	Phường Tân Phong	18
5	Các điểm vui chơi giải trí tại cơ sở	Các xã, phường	1
6	Sân vận động cấp xã	Các xã, phường	6 - 7
7	Nhà thi đấu và tập luyện đa năng	Các xã, phường	0,5 - 0,6
8	Trung tâm văn hoá cấp xã	Các xã, phường	0,5 - 3
9	Thư viện công cộng cấp xã	Các xã, phường	0,5 - 1

**Ghi chú:**

*Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.*